

**BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT CẦN THƠ
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊKÔNG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO
BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ**

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC
MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT CẦN THƠ**

TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊKÔNG

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 38217713

Fax: (08) 38217452

TỔ CHỨC BÁN CỔ PHẦN



CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT CẦN THƠ

Địa chỉ: 27 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ

Điện thoại: (0710) 3812218/3822127

Fax: (0710) 3820964

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 39343137

Fax: (04) 39360262

VCBS

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊKÔNG

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800277683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Cần Thơ cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi lần 16 ngày 23/08/2012



CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT CẦN THƠ

Tên công ty : Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
Vốn điều lệ hiện tại : 350.446.780.000 đồng
Tổng số cổ phần : 35.044.678 cổ phần

Thông tin về đợt chào bán

Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán : 2.216.940 cổ phần (tương đương 6,33% vốn điều lệ)
Tổng giá trị chào bán : 22.169.400.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 39343137

Fax: (04) 39360262

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 11, P.1101, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 39100751

Fax: (08) 39100750

MỤC LỤC

I.	CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	2
1.	Rủi ro về kinh tế	2
2.	Rủi ro luật pháp	5
3.	Rủi ro đặc thù	5
4.	Rủi ro cạnh tranh	6
5.	Rủi ro của đợt chào bán	6
6.	Rủi ro khác	7
III.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
1.	Tổ chức bán cổ phần	8
2.	Tổ chức phát hành	8
3.	Tổ chức tư vấn	8
IV.	CÁC KHÁI NIỆM	9
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY	10
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	10
1.1.	Quá trình hình thành và phát triển	10
1.2.	Giới thiệu về Công ty	11
1.3.	Cơ cấu vốn cổ phần	13
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	13
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	15
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	18
4.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	18
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ	18

5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức phát hành, những công ty liên doanh liên kết của tổ chức phát hành	19
5.1.	Danh sách công ty mẹ và công ty liên doanh, liên kết của tổ chức phát hành.....	19
5.2.	Danh sách những công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với tổ chức phát hành	19
6.	Hoạt động kinh doanh	19
6.1.	Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu	19
6.2.	Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất	22
6.3.	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	23
6.4.	Chi phí	25
6.5.	Trình độ công nghệ	26
6.6.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	27
6.7.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	28
6.8.	Hoạt động Marketing	30
6.8.1.	Hệ thống phân phối	30
6.8.2.	Chiến lược cạnh tranh đang áp dụng.....	31
6.8.3.	Một số giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược	31
6.9.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	32
6.10.	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	33
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất	34
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm.....	34
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	36
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	37
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành	37
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	38

8.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	39
9.	Chính sách đối với người lao động	40
9.1.	Số lượng người lao động trong Công ty.....	40
9.2.	Chính sách đối với người lao động	41
9.2.1.	Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi.....	41
9.2.2.	Chính sách đào tạo	42
9.2.3.	Các hoạt động đoàn thể xã hội	42
10.	Chính sách cổ tức	42
11.	Tình hình tài chính	42
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	42
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	48
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát	49
12.1.	Hội đồng quản trị.....	49
12.2.	Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	53
12.3.	Ban kiểm soát	58
13.	Tài sản	61
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 2015.....	64
14.1.	Mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2012 – 2015	64
14.1.1.	Quan điểm phát triển:.....	64
14.1.2.	Mục tiêu tổng quát.....	64
14.1.3.	Mục tiêu cụ thể.....	64
14.2.	Chiến lược phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu	65
14.2.1.	Định hướng chung.....	65
14.2.2.	Chiến lược phát triển.....	66
14.3.	Một số chỉ tiêu phát triển chủ yếu.....	67
14.3.1.	Tốc độ tăng trưởng sản lượng	67

14.3.2. Chỉ tiêu sản lượng	68
14.3.3. Chỉ tiêu tiêu thụ theo từng kênh phân phối	68
14.3.4. Chỉ tiêu tài chính	69
14.3.5. Phát triển hệ thống phân phối.....	70
14.3.6. Đầu tư mới xây dựng kho cảng, cửa hàng xăng dầu	70
14.4. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch	71
14.4.1. Giải pháp về sản xuất, kinh doanh, thị trường	71
14.4.2. Giải pháp về đầu tư vốn	72
14.4.3. Giải pháp về hợp tác đầu tư.....	72
14.4.4. Giải pháp về tổ chức quản lý và nguồn lực.....	72
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	73
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	73
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán.....	73
VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN.....	74
1. Tổ chức phát hành	74
2. Cổ phần chào bán	74
3. Mục đích của việc chào bán	74
4. Đối tượng tham gia, điều kiện tham gia.....	75
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	75
6. Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần chào bán.....	75
7. Công bố thông tin và tổ chức đăng ký mua cổ phần	75
8. Địa điểm, thời gian tổ chức đấu giá	75
9. Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc.....	75
VII. PHỤ LỤC.....	76

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/06/2012	13
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 30/06/2012	18
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập	18
Bảng 4: Công ty mẹ	19
Bảng 5: Danh sách nhà cung cấp nguyên liệu	23
Bảng 6: Kết quả thực hiện nguồn hàng và sản xuất, pha chế xăng dầu.....	23
Bảng 7: Sản lượng và doanh thu tiêu thụ các năm	24
Bảng 8: Các khoản chi phí.....	25
Bảng 9: Một số máy móc thiết bị đang sử dụng	26
Bảng 10: Hệ thống tồn chứa hiện tại	30
Bảng 11: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	33
Bảng 12: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh	34
Bảng 13: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2012	40
Bảng 14: Thời gian khấu hao ước tính của TSCĐ.....	43
Bảng 15: Mức lương bình quân của CBCNV qua các năm.....	44
Bảng 16: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	44
Bảng 17: Số dư các quỹ	45
Bảng 18: Tổng dư nợ vay năm 2011	45
Bảng 19: Các khoản phải thu.....	46
Bảng 20: Các khoản phải trả.....	47
Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	48
Bảng 22: Danh sách thành viên HĐQT	49
Bảng 23: Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.....	53
Bảng 24: Danh sách Ban kiểm soát	58
Bảng 25: Giá trị TSCĐ chủ yếu năm 2011	61

Bảng 26: Danh sách các lô đất Công ty đang quản lý và sử dụng.....	61
Bảng 27: Tốc độ tăng trưởng sản lượng dự kiến đến năm 2015	67
Bảng 28: Chỉ tiêu sản lượng dự kiến đến năm 2015.....	68
Bảng 29: Chỉ tiêu tiêu thụ theo từng kênh phân phối dự kiến đến năm 2015	68
Bảng 30: Chỉ tiêu tài chính dự kiến đến năm 2015	69
Bảng 31: Chỉ tiêu phát triển hệ thống phân phối dự kiến đến năm 2015	70
Bảng 32: Đầu tư mới xây dựng kho cảng, cửa hàng xăng dầu dự kiến đến năm 2015	70

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty	16
Biểu đồ 1: Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng từ đầu năm 2012.....	3
Biểu đồ 2: Tỷ trọng các khoản chi phí các năm	25
Biểu đồ 3: Dự báo nhu cầu tiêu xăng dầu đến năm 2020	38
Biểu đồ 4: Dự báo nhu cầu tiêu xăng dầu đến năm 2050	39

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;
- Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ về việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/08/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Công văn số 2683/UBND-KT ngày 20/06/2012 của Chủ tịch UBND Tp.Cần Thơ về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông;
- Quyết định số 48A/QĐ-XS ngày 31/08/2012 của Chủ tịch Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Cần Thơ về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông;
- Quyết định số 49/QĐ-XS ngày 04/09/2012 của Chủ tịch Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số Kiến thiết Cần Thơ về việc phê duyệt mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông;
- Hợp đồng tư vấn số 03/2012/TCDN/VCBS-XSCT ngày 29/08/2012 giữa Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số Kiến thiết Cần Thơ;

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một công ty là căn cứ cơ bản cho quyết định của nhà đầu tư. Xem xét sự biến động tình hình sản xuất kinh doanh của công ty là gián tiếp dự đoán giá cả của chứng khoán công ty. Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

➤ Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Bước vào năm 2012, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Sự suy thoái của kinh tế thế giới đã thu hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn và tác động tiêu cực đến kinh tế – xã hội của nước ta. Trong bối cảnh đó, tất yếu hoạt động kinh doanh của Công ty cũng không thể tách rời và chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu cũng như kinh tế trong nước.

Kinh tế – xã hội Việt Nam qua 9 tháng qua tiếp tục đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế thế giới trầm lắng với khủng hoảng nợ công tại một số nước châu Âu tiếp tục gây bất ổn lớn. Hoạt động đầu tư trì trệ cùng với xuất khẩu giảm ở hầu hết các nền kinh tế dẫn đến tăng trưởng giảm sút. Ở trong nước, thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp dẫn đến hàng tồn kho ở mức cao. Để ổn định kinh tế vĩ mô, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển, Chính phủ kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành, trọng tâm là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 và Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/05/2012. Các ngành, địa phương, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế và cơ sở sản xuất kinh doanh đã và đang nỗ lực phối hợp thực hiện đồng bộ các giải pháp, phấn đấu vượt qua những cam go mà nền kinh tế đang phải đối mặt.

Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 9 tháng đầu năm 2012 ước tính tăng 4,73% so với cùng kỳ năm 2011, trong đó quý 1 tăng 4%, quý 2 tăng 4,66%. Trong mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế 9 tháng đầu năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,48%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,36%, đóng góp 1,82 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,97%, đóng góp 2,51 điểm phần trăm. Mức tăng trưởng cả ba khu vực 9 tháng đầu năm nay đều thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2011 (tăng trưởng của ba khu vực 9 tháng đầu năm 2011 lần lượt là 3,75%, 5,85% và 6,50%).

Tốc độ tăng trưởng GDP tăng thấp sẽ làm cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, hàng tồn kho tăng cao. Theo đánh giá chung, năm 2012 được nhận định là vẫn là năm khá khắc nghiệt đối với hoạt động kinh doanh

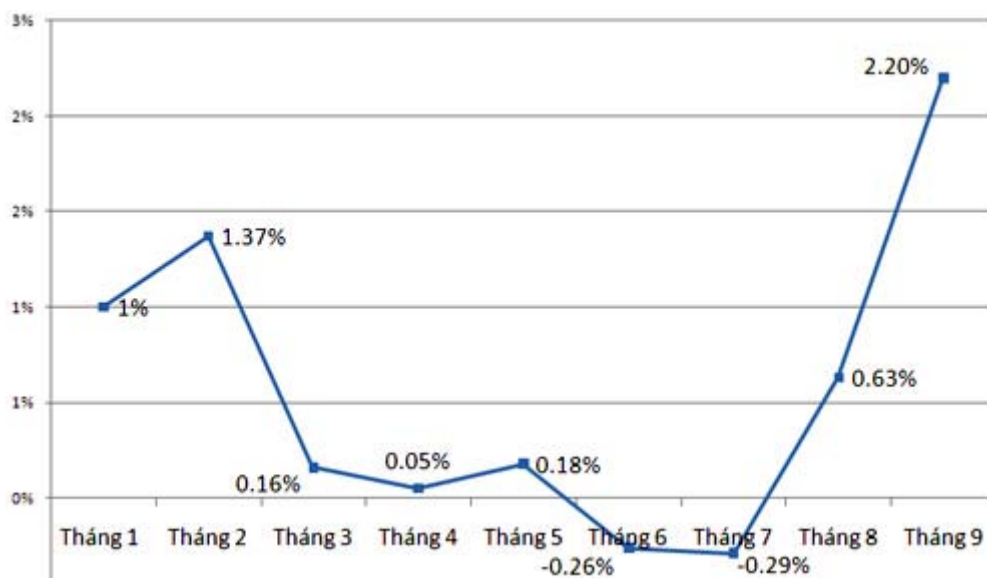
của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của Công ty nói riêng, đặt Công ty trước tình thế phải đổi mới, vươn lên và có những chính sách kinh doanh linh hoạt.

➤ **Lạm phát:**

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2012 tăng 2,2% so với tháng trước. Đây là mức tăng cao nhất trong các tháng kể từ đầu năm sau 6 tháng CPI có xu hướng giảm dần. Chỉ số giá tháng này tăng chủ yếu do tác động của nhóm thuốc và dịch vụ y tế và nhóm giáo dục, trong đó nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 17,02% (riêng dịch vụ y tế tăng 23,87%); nhóm giáo dục tăng 10,54% (riêng dịch vụ giáo dục tăng 12,16%). Chỉ số giá của các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác có mức tăng thấp hơn gồm: Giao thông tăng 3,83%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,18%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,46%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,33%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,31%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,14%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,08% (trong đó, lương thực tăng 0,35%; thực phẩm giảm 0,07%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,27%); bưu chính viễn thông tăng 0,01%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 09/2012 tăng 5,13% so với tháng 12/2011 và tăng 6,48% so với cùng kỳ năm 2011. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm nay tăng 9,96% so với bình quân cùng kỳ năm 2011.

Biểu đồ 1: Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng từ đầu năm 2012



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Nhìn chung mặt bằng giá cả còn cao, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

➤ **Lãi suất:**

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm mạnh so với đầu năm 2012: về lãi suất huy động, lãi suất tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng giảm từ 3 – 6%/năm; lãi suất cho vay giảm khoảng 3 – 6%/năm so với cuối năm 2011; trong đó tập trung chủ yếu đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, sản xuất – kinh doanh. Hiện nay, lãi suất cho vay phổ biến đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ ở mức 10 – 13%/năm; cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác ở mức 12 – 15%/năm; lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh 8 – 9% so với đầu năm phản ánh thị trường tiền tệ đã ổn định hơn nhiều so với năm 2011.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, khi lãi suất huy động trên thị trường tăng hay giảm, nhà đầu tư có thể cân nhắc tới việc chuyển một phần vốn đầu tư trên thị trường chứng khoán sang hình thức gửi tiết kiệm với lãi suất cố định hoặc ngược lại.

➤ **Tỷ giá hối đoái:**

Thị trường ngoại hối khá ổn định trong 9 tháng 2012 khi tỷ giá USD/VND liên ngân hàng được giữ vững ở mức 20.828 VND/USD và tỷ giá trong ngân hàng thương mại dao động trong khoảng +/-1%. Sự ổn định của thị trường ngoại hối trong suốt thời gian qua là do các yếu tố hỗ trợ: NHNN đã thực hiện tốt các biện pháp điều tiết để giữ ổn định giá trị VND (quản lý chặt chẽ hơn thị trường ngoại tệ và hoạt động cho vay ngoại tệ của các ngân hàng, áp mức lãi suất trần huy động 2% đối với USD – thấp hơn nhiều so với lãi suất VND, tiến hành mua ngoại tệ đưa vào dự trữ ngoại hối) và cam kết chỉ điều chỉnh tỷ giá 2 – 3% trong năm 2012 đã tạo được tâm lý tích cực cho doanh nghiệp và người dân cũng như hạn chế được tình trạng đầu cơ ngoại tệ.

Việc dự trữ ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước không ngừng được cải thiện (tính đến cuối tháng 9 vào khoảng 23 tỷ USD, tương đương với 2,4 tháng nhập khẩu) và suất siêu 34 triệu USD trong 9 tháng sẽ là những yếu tố tác động tích cực đến sự ổn định của thị trường ngoại hối.

Sự điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cũng như sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong tình hình nền kinh tế thế giới nhiều biến động như hiện nay thì rủi ro về tỷ giá là điều phải tính đến. Do đó, Công ty cũng cần phải có biện pháp dự phòng nhằm hạn chế những ảnh hưởng của các biến động về tỷ giá đối với kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro luật pháp

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2009, nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu ảnh hưởng của bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế. Tuy nhiên hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành còn chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Mặt khác, mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Công ty là xăng dầu, đây là một mặt hàng mặt hàng chiến lược quan trọng, thiết yếu do đó còn phải tuân theo các quy định của Nhà nước, chính sách điều hành đối với mặt hàng này. Hiện nay Nghị định 84/2009/NĐ-CP ban hành ngày 15/10/2009 quy định về kinh doanh xăng dầu và điều kiện kinh doanh xăng dầu tại thị trường Việt Nam đã bộc lộ nhiều bất cập. Sau những lần tăng giá xăng dầu trong thời gian qua, thị trường xăng dầu đã bộc lộ nhiều bất ổn. Tăng giá, hoa hồng thấp, lỗ rồi lại tăng giá, lại lỗ, đó là một vòng luẩn quẩn mà việc điều hành giá xăng dầu đang vấp phải khi giao quyền định giá cho doanh nghiệp. Hướng tháo gỡ vòng luẩn quẩn này cho thấy cần nhanh chóng sửa đổi Nghị định 84/NĐ-CP về điều hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường.

Vì vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách điều hành và chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhịp với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Điều này cũng tạo được điều kiện thuận lợi hơn để Công ty có thể đưa ra các kế hoạch kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

➤ Rủi ro cháy nổ:

Xăng dầu là một mặt hàng có nguy cơ gây cháy nổ rất cao và có thể gây ra thiệt hại rất lớn đối với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nếu trong quá trình vận chuyển, bảo quản, lưu thông hàng hóa có sơ suất xảy ra. Tuy nhiên, rủi ro này có thể kiểm soát được nếu các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu chấp hành chặt chẽ các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh. Công ty luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu công tác bảo đảm an toàn phòng chống cháy nổ, mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, trách nhiệm cộng đồng, môi trường... Công ty luôn chú trọng công tác đầu tư để hiện đại hóa kho cảng, tuyến ống xăng dầu, nâng cao hệ số an toàn trong vận hành khai thác, tổ chức tuyên truyền hướng dẫn luật phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện và đào tạo cho cán bộ công nhân viên về công tác phòng chống cháy nổ.

➤ **Rủi ro biến động giá xăng dầu:**

Thời gian vừa qua, giá xăng dầu thế giới liên tục biến động bất thường, điều này gây ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu mà Công ty không là ngoại lệ. Nếu Nhà nước vẫn tiếp tục quản lý giá xăng dầu như hiện nay thì các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu không thể chủ động được trước tình hình biến động giá xăng thế giới, điều này sẽ gây ảnh hưởng lớn đến kế hoạch cũng như hiệu quả kinh doanh.

➤ **Rủi ro cơ chế điều hành giá xăng dầu:**

Xăng dầu là một mặt hàng chiến lược quan trọng và được Nhà nước quản lý giám sát chặt chẽ dưới góc độ giá bán, chất lượng và sản lượng kinh doanh xăng dầu. Đây là mặt hàng thiết yếu thuộc danh mục bình ổn giá.

Cơ chế điều hành giá xăng dầu của Nhà nước hiện nay tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xăng dầu nói chung và Công ty nói riêng do:

- Rủi ro về độ trễ trong việc điều chỉnh của giá bán trong nước so với giá xăng dầu thế giới do giá bán lẻ xăng dầu trong nước không thể điều chỉnh liên tục theo sự biến động của giá xăng dầu thế giới.
- Trong một số gia đoạn nhằm thực hiện mục tiêu bình ổn nền kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội, Nhà nước không cho phép tăng giá xăng dầu theo cơ chế thị trường.

4. Rủi ro cạnh tranh

Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường là một quy luật tất yếu không thể tránh khỏi. Hiện nay, tại thị trường ĐBSCL Công ty đang gặp sự cạnh tranh khá gay gắt từ các doanh nghiệp cùng ngành như: Saigon Petro, Petrolimex, Petec... Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố mang tính thúc đẩy Công ty tập trung cải tiến chất lượng phục vụ, tăng cường tiếp thị để kích cầu, mở rộng thêm thị trường tiêu thụ, nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm... để tăng tính cạnh tranh của Công ty trên thị trường, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

5. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2012 đã ghi nhận một đợt tăng điểm tương đối mạnh kéo dài trong hơn bốn tháng đầu năm, đến giữa tháng 5 áp lực điều chỉnh mới xuất hiện. Nguyên nhân chính bắt nguồn từ việc nền kinh tế vĩ mô trong nước tuy chưa thoát hẳn hoàn toàn khó khăn nhưng đã dần trở nên ổn định, lạm phát có dấu hiệu đã được kiểm soát, mặt bằng lãi suất liên tục được điều chỉnh theo hướng giảm... là những yếu tố đã nâng đỡ tâm lý của nhà đầu tư quay trở lại thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các

doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi bức tranh kinh tế vĩ mô vẫn còn cần cải thiện thêm. Bên cạnh đó, năm 2011 thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh đã có những tác động đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình.

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty.. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức bán cổ phần

Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Cần Thơ

Ông Lê Việt Hùng Chức vụ: Chủ tịch

Ông Đỗ Thanh Bình Chức vụ: Giám đốc

2. Tổ chức phát hành

Công ty cổ phần Dầu khí Mêkông

Ông Trần Cao Phong Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông Lưu Văn Nguyên Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Thanh Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Võ Tùng Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Tổ chức tư vấn

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Ông Trần Quốc Việt Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số Kiến thiết Cần Thơ tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 03/2012/TCDN/VCBS-XSCT ngày 29/08/2012. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số Kiến thiết Cần Thơ và Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM

- BKS	Ban kiểm soát
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Công ty	Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- ĐBSCL	Đồng bằng Sông Cửu Long
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- GDP	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- ISO	International Organization for Standardization – Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia
- MTV	Một thành viên
- PV OIL MEKONG	Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- TMCP	Thương mại cổ phần
- TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ	Tài sản cố định
- UBND	Ủy ban Nhân dân
- VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1996, với tầm nhìn chiến lược nhằm phát huy sức mạnh giữa ngành công nghiệp mũi nhọn của đất nước là dầu khí với nông nghiệp giữa Trung ương và địa phương, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam) đã cử đoàn cán bộ đến khảo sát địa điểm tại ĐBSCL để xây dựng kho bãi, phát triển mở rộng thị trường sản phẩm ở khâu hạ nguồn. Với vị trí là trung tâm của vùng ĐBSCL, Cần Thơ đã được chọn là địa điểm để đặt trụ sở và tổng kho xăng dầu. Công ty Liên doanh Dầu khí Mêkông (Petromekong) đã được hình thành trên cơ sở hợp tác toàn diện giữa Tập đoàn Dầu khí và 7 tỉnh thành ở ĐBSCL gồm: Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Trà Vinh và An Giang theo giấy phép thành lập số 007083/GP/GPTL-02 ngày 15/05/1998 do UBND tỉnh Cần Thơ cấp với các chức năng chính là: xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm dầu mỏ, sản xuất chế biến các sản phẩm xăng dầu, kinh doanh tạm nhập tái xuất, bán buôn bán lẻ các loại xăng dầu, gas, nhớt...; nhưng nhiệm vụ chính vẫn là đầu tư xây dựng Tổng kho xăng dầu Cần Thơ.

Nhằm đào tạo cán bộ và chuẩn bị thị trường kinh doanh sau khi Tổng kho xăng dầu Cần Thơ đi vào hoạt động. Năm 1999, Công ty đã đạt được một bước phát triển mới khi chính thức trở thành một trong những đầu mối nhập khẩu kinh doanh xăng dầu, được nhập khẩu trực tiếp và phân phối sản phẩm xăng dầu, giúp nâng cao vị thế không chỉ của Công ty mà còn là vị thế của tỉnh Cần Thơ khi có một doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu tại địa bàn với các chỉ tiêu nộp ngân sách luôn đứng đầu trong tỉnh.

Năm 2002, năm đầu tiên Tổng kho xăng dầu đi vào hoạt động càng khẳng định vị thế của Công ty khi doanh thu tăng hơn 182% so với các năm trước. Đây cũng là năm đầu tiên bắt đầu tính chi phí khấu hao Tổng kho, do đó Công ty đã triển khai rất mạnh việc mở rộng thị trường tiêu thụ và khách hàng.

Từ năm 2003 – 2006, là giai đoạn hết sức khó khăn do thị trường thế giới biến động tăng giá rất mạnh nhưng tốc độ phát triển của Công ty vẫn tăng đáng kể và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao hàng năm. Đây là giai đoạn phát triển vượt bậc của Công ty về tất cả các chỉ tiêu với mức tăng trưởng 2 – 3 lần so với giai đoạn trước.

Từ năm 2007, Công ty đã chuyển đổi loại hình hoạt động sang công ty TNHH và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Cần Thơ cấp giấy CNĐKKD số 5702000488.

Bên cạnh đó, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cũng đã chuyển phần vốn góp của Tập đoàn về cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) từ tháng 08/2008. Từ thời điểm này, Công ty đã trở thành thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

Ngày 31/12/2008, Hội đồng thành viên của Công ty đã có Quyết định số 128/QĐ-

HĐTV về việc chuyển đổi Công ty TNHH Dầu khí Mêkông thành Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông. Theo đó, ngày 15/01/2009, Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Cần Thơ cấp giấy CNĐKKD và đăng ký thuế lần đầu với số vốn điều lệ là 112 tỷ đồng.

Trải qua hơn 15 năm thăng trầm tồn tại và phát triển, Công ty đã khẳng định được vị thế của mình là Công ty kinh doanh xăng dầu uy tín cao của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam tại khu vực ĐBSCL. Công ty đã mở rộng được mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh ĐBSCL, Tp.HCM, các tỉnh miền Đông Nam bộ và là Công ty sản xuất kinh doanh đầu tiên của PetroVietnam mở chi nhánh nước ngoài tại Campuchia, góp phần rất đáng kể vào việc mở rộng sản phẩm mang thương hiệu PetroVietnam vươn tới mọi vùng miền của đất nước và các quốc gia lân cận.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên tiếng Việt : **Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông**
- Tên tiếng Anh : **Mekong Petroleum Joint Stock Compapy**
- Tên viết tắt : **PV OIL MEKONG**
- Địa chỉ trụ sở : **08 Phan Đình Phùng, P.Tân An, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ**
- Điện thoại : **(0710) 3810817**
- Fax : **(0710) 3810810**
- Website : **www.petromekong.com.vn**
- Logo Công ty :



- Vốn điều lệ : **350.446.780.000 đồng (ba trăm năm mươi tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng)**
- Giấy CNĐKKD số: **1800277683** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Cần Thơ cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi lần 16 ngày 23/08/2012
- Ngành nghề kinh doanh:
 **Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;**

- ✚ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✚ Đầu tư xây dựng tổng kho xăng dầu. Đầu tư xây dựng các kho và cửa hàng kinh doanh các sản phẩm dầu khí;
- ✚ Nhập khẩu vật tư thiết bị phục vụ hệ thống phân phối sản phẩm dầu khí. Xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu mỏ, hóa chất, thiết bị phục vụ công tác kinh doanh;
- ✚ Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu khí, các hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
- ✚ Kinh doanh phân bón hóa chất;
- ✚ Vận tải đường thủy, đường bộ các sản phẩm dầu khí;
- ✚ Chế biến, xuất khẩu và nuôi trồng thủy sản;
- ✚ Đầu tư tài chính;
- ✚ Tư vấn quản lý dự án, quản lý đấu thầu;
- ✚ Lập dự án đầu tư, lập dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng;
- ✚ Thẩm tra dự án thiết kế;
- ✚ Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, thiết kế kết cấu công trình công nghiệp;
- ✚ Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- ✚ Tư vấn giám sát công trình dân dụng, kho xăng dầu;
- ✚ Cho thuê mặt bằng;
- ✚ Dịch vụ cung ứng cho tàu biển;
- ✚ Khảo sát, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình kho trung chuyển, cửa hàng xăng dầu, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- ✚ Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi;
- ✚ Bảo trì các công trình kho và cửa hàng xăng dầu, tàu thuyền và phương tiện nổi.

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2012 là 350.446.780.000 đồng, tương đương 35.044.678 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/06/2012

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	43	35.044.678	100
1	Tổ chức	2	34.524.583	98,52
2	Cá nhân	41	520.095	1,48
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	43	35.044.678	100

Nguồn: PV OIL MEKONG

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHCĐ thông qua vào tháng 05/2012, được sửa đổi theo phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005.

Cơ cấu tổ chức của hiện tại của Công ty gồm: văn phòng Công ty, các phòng chức năng, xí nghiệp trực thuộc.

- **Văn phòng Công ty:** Nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, ban nghiệp vụ gồm: Phòng Tổ chức Nhân sự, Phòng Kế hoạch Đầu tư, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Thanh tra Pháp chế, Phòng Quản lý hàng hóa, Phòng Bán lẻ, Phòng Thương mại thị trường và Ban nghiên cứu và Phát triển sản phẩm mới.

➤ Địa chỉ: : 08 Phan Đình Phùng, P.Tân An, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ

➤ Điện thoại : (0710) 3810817

➤ Fax : (0710) 3810810

- Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh tại Tỉnh Sóc Trăng
 - Địa chỉ: 69 Quốc lộ 1A, P.7, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
- Chi nhánh tại Tỉnh Đồng Tháp
 - Địa chỉ: 365B, Ấp 1, Xã An Phong, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh tại Tỉnh Hậu Giang – Cửa hàng xăng dầu PETROMEKONG số 03
 - Địa chỉ: Khu vực V, Tỉnh Hậu Giang
- Chi nhánh tại Tỉnh Hậu Giang – Cửa hàng xăng dầu PETROMEKONG số 11
 - Địa chỉ: Ấp 2A, Xã Tân Hòa, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang
- Chi nhánh tại Tỉnh Hậu Giang
 - Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phú, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang
- Chi nhánh tại Tỉnh An Giang
 - Địa chỉ: Ấp Trung Bắc Hưng, Xã Nhơn Hưng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh tại Tỉnh Cà Mau
 - Địa chỉ: Ấp Bà Điều, Xã Lý Văn Lâm, Tp.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh tại Tp.Cần Thơ
 - Địa chỉ: 174 Trần Hưng Đạo, P.An Nghiệp, Q.Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
- Chi nhánh tại Tỉnh Bạc Liêu
 - Địa chỉ: Khóm Trà Kha, P.8, Tp.Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh tại Tỉnh Trà Vinh
 - Địa chỉ: Ấp Long Bình B, P.4, Tp.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
- Chi nhánh tại Tỉnh Tiền Giang
 - Địa chỉ: Kho K.38, Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang
- Chi nhánh tại Tỉnh Bến Tre

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sacombank, 14C1 Đại lộ Đồng Khởi, P.Phú Khương, Tp.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Cần Thơ
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hưng Phú, Khu vực Thạnh Thắng, P.Phú Thới, Q.Cái Răng, Tp.Cần Thơ.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

 **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, quyết định mọi vấn đề được luật pháp và điều lệ của Công ty quy định.

- Thông qua Điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm HĐQT và BKS;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

 **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Báo cáo trước ĐHĐCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

 **Ban kiểm soát:** do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

 **Ban điều hành:** Ban điều hành của Công ty gồm 04 người: Giám đốc và 3 Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc phê chuẩn.

Giám đốc: là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hằng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;

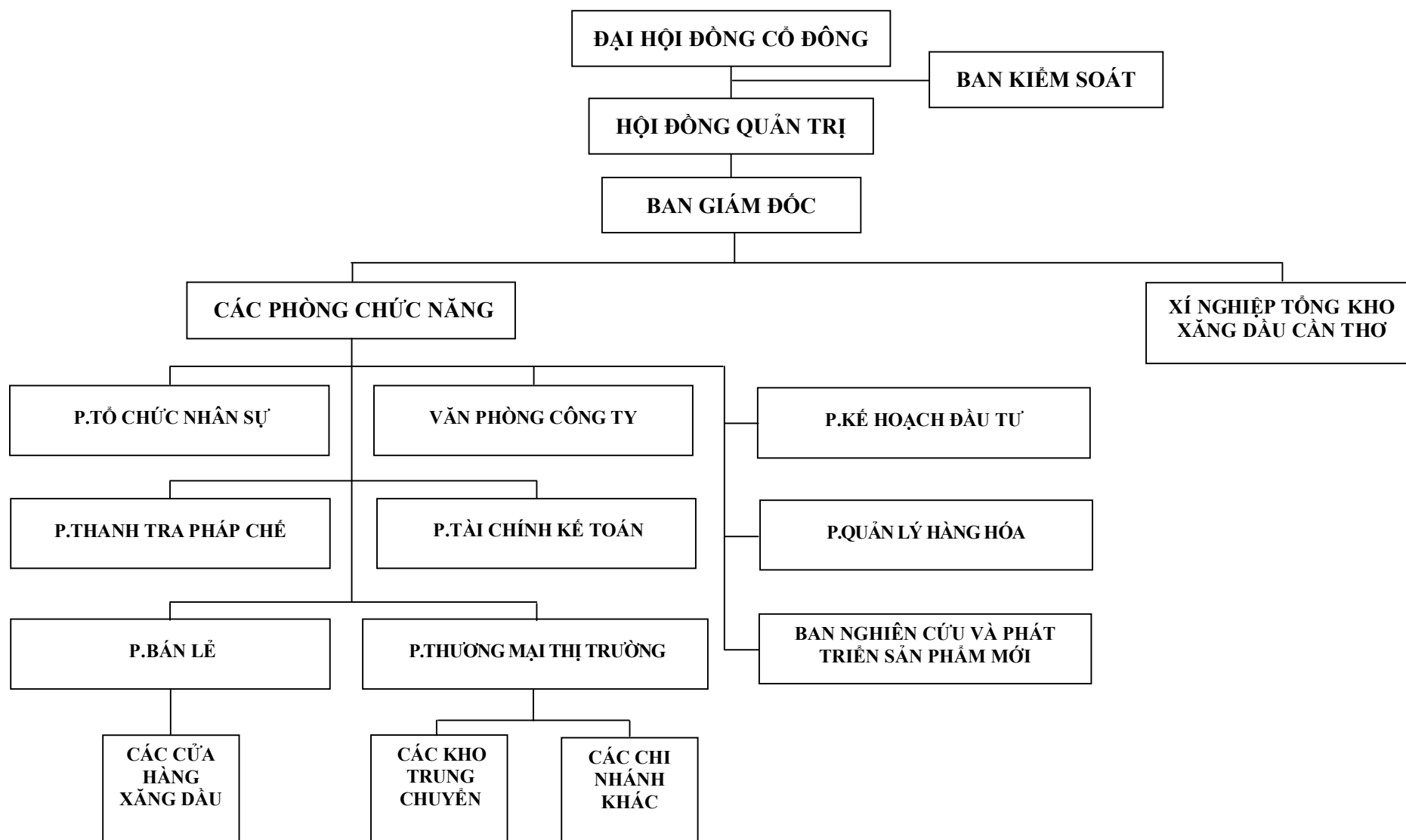
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty;
- Giám đốc là người tham mưu cho HĐQT hoạch định các mục tiêu, chính sách;

Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các bộ phận nghiệp vụ, chi nhánh.

 **Các phòng ban chức năng:** có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp hoạt động và điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc như: Phòng Tổ chức Nhân sự, Phòng Kế hoạch Đầu tư, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Thanh tra Pháp chế, Phòng Quản lý hàng hóa, Phòng Bán lẻ, Phòng Thương mại thị trường và Ban nghiên cứu và Phát triển sản phẩm mới, Ban Giám đốc các xí nghiệp nhà máy, chi nhánh trực thuộc.

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty

(Xem trang sau)



Nguồn: PV OIL MEKONG

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2012 như sau:

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 30/06/2012

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	32.307.643	92,19
2	Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Cần Thơ	2.216.940	6,33
	Tổng cộng	34.524.583	98,52

Nguồn: PV OIL MEKONG

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Căn cứ Giấy CNĐKKD số 1800277683 đăng ký lần đầu ngày 15/01/2009 và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 23/08/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Cần Thơ cấp, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty cụ thể như sau:

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Tầng 14-17 Tòa nhà Petro VietNam Tower, 1-5 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	32.307.643	92,19
2	Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Cần Thơ	27 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Tân An, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	2.216.940	6,33
3	Cổ đông khác	Tp.Cần Thơ	520.095	1,48
	Tổng cộng		35.044.678	100

Nguồn: PV OIL MEKONG

- 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức phát hành, những công ty liên doanh liên kết của tổ chức phát hành**

- 5.1. Danh sách công ty mẹ và công ty liên doanh, liên kết của của tổ chức phát hành**

Bảng 4: Công ty mẹ và công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Mẹ				
1. Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Tầng 14-17 Tòa nhà Petro VietNam Tower, 1-5 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	32.307.643	323.076.430.000	92,19
Công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Mêkông (Mekongtrans)	56 Đường số 8, Khu dân cư Phú An, Q.Cái Răng, Tp.Cần Thơ	2.501.250	25.012.500.000	33,35
2. Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương (Orient Oil)	149B Trương Định, P.9, Q.3, Tp.HCM	40.000	40.000.000.000	24,55

Nguồn: PV OIL MEKONG

- 5.2. Danh sách những công ty con của tổ chức phát hành hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với tổ chức phát hành**

Không có

- 6. Hoạt động kinh doanh**

- 6.1. Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu**

Kinh doanh xăng dầu là hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty. Công ty cung cấp cho thị trường ĐBSCL các mặt hàng xăng dầu như: các loại xăng A95, A92, A83; dầu Diesel (DO), dầu hỏa (KO), nhiên liệu đốt lò (FO) và các sản phẩm dầu khác thông qua các đại lý hoặc các cửa hàng bán lẻ của Công ty, cụ thể như sau:

- Xăng các loại: gồm xăng không chì RON 95, xăng không chì RON 92 và xăng không chì RON 83. Đối tượng tiêu dùng nhóm sản phẩm này chủ yếu là các phương tiện: xe máy, ô tô dưới 15 chỗ ngồi, và một số xe tải nhẹ tải trọng tải dưới 1,5 tấn...
- Dầu Diesel (DO): các loại DO 0,05S hiện được dùng cho động cơ đường bộ, đường sắt và DO 0,25S dùng cho động cơ đường thủy. Ngoài ra, nhiên liệu Diesel

còn được sử dụng trong sản xuất điện, phục vụ nhu cầu tưới tiêu trong nông nghiệp...

- Dầu hỏa (KO): chủ yếu được sử dụng để thắp sáng ở những vùng chưa có điện, dùng trong một số ngành sản xuất (ngành công nghiệp nhẹ và ngành in); dùng để đun nấu trong sinh hoạt.
- Nhiên liệu đốt lò (FO): sử dụng cho sản xuất điện, thép, xi măng, vật liệu xây dựng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ, các phương tiện vận tải hàng hải... Nhóm nhiên liệu đốt lò có 3 loại chính theo hàm lượng lưu huỳnh là: FO 180 CST; 3S, 3,5S; FO 380 CST.

Để phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu tại thị trường ĐBSCL, tính đến quý 2/2012, Công ty đã xây dựng được một hệ thống bán lẻ rộng khắp tại các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau, Bến Tre... với 188 đại lý trực tiếp, 28 cửa hàng xăng dầu trực thuộc và 10 tổng đại lý với 406 điểm bán lẻ.



Bên cạnh lĩnh vực kinh doanh chính, Công ty còn thực hiện một số các dịch vụ khác như:

- Sản xuất và pha chế: Công ty đã nhập xăng Naphta và xăng RON cao như A95, A97 để thực hiện pha chế ra các sản phẩm A92, A83 có giá thành cạnh tranh hơn để cung cấp cho hệ thống. Tính đến cuối năm 2011, Công ty đã thực hiện pha chế sản xuất 29 lô hàng xăng A92 và A83. Do đặc thù của vùng ĐBSCL nên nhu cầu thực tế về sử dụng xăng A83 hiện nay vẫn còn rất cao, chiếm tỷ trọng 88% trong cơ cấu hàng sản xuất pha chế của Công ty.



Phòng hóa nghiệm

- Đầu tư xây dựng tổng kho kinh doanh xăng dầu: Công ty đã xây dựng được 1 hệ thống kho chứa và kho trung chuyển rộng khắp với Tổng kho Xăng dầu Cần Thơ (với tổng sức chứa 72.000 m³ xăng dầu các loại), Kho trung chuyển xăng dầu Trà Vinh, Kho trung chuyển xăng dầu An Giang, Kho trung chuyển xăng dầu Ba Tri – Bến Tre... với hệ thống bồn chứa, trang thiết bị đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.



Tổng kho xăng dầu



Bồn chứa tại các kho

- Đầu tư xây dựng các kho và cửa hàng kinh doanh các sản phẩm dầu khí.
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ hệ thống phân phối sản phẩm dầu khí, các hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí.
- Vận tải đường bộ, đường thủy các sản phẩm dầu khí.
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu mỏ, hóa chất, thiết bị phục vụ công tác kinh doanh.
- Kinh doanh địa ốc và cơ sở hạ tầng.
- Chế biến xuất khẩu và nuôi trồng thủy sản.
- Đầu tư tài chính.

Sang năm 2012, thực hiện chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam về việc hợp nhất hạn ngạch nhập khẩu xăng dầu của Công ty vào chung với Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), Công ty thôi thực hiện chức năng làm đầu mối nhập khẩu xăng dầu và thực hiện chức năng pha chế và phân phối theo nghị quyết của PV Oil.

6.2. Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng xăng dầu, nguồn hàng hiện nay của Công ty được cung cấp ổn định từ doanh nghiệp đầu mối được phép nhập khẩu xăng dầu, mà cụ thể là từ công ty mẹ – Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).

Ngoài ra, để phục vụ cho hoạt động sản xuất, pha chế, Công ty còn nhập xăng Naphta, xăng RON cao từ các doanh nghiệp đầu mối, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất hoặc các doanh nghiệp uy tín của nước ngoài.

Bảng 5: Danh sách nhà cung cấp nguyên liệu

Stt	Tên nhiên liệu	Đơn vị cung cấp
1	Naphta	PV Oil, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và các nhà cung cấp nước ngoài
2	Condensate	
3	Xăng dầu các loại	

Nguồn: PV OIL MEKONG

6.2.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Công ty đã ký kết các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp. Đây là những đối tác kinh doanh cam kết dành ưu tiên và đảm bảo nguồn đầu vào cho Công ty trong mọi trường hợp. Bên cạnh đó, Công ty đã có kế hoạch tích trữ nguyên liệu chính cho sản xuất kinh doanh nhằm giảm rủi ro liên quan đến biến động nguồn hàng và giá cả. Vì vậy, Công ty có thể giành được ưu thế về mức giá hợp lý đối với các vật liệu cũng như đảm bảo chất lượng của các vật liệu ở mức độ cao.

6.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Sự biến động giá cả nguyên vật liệu theo chiều hướng gia tăng trong thời gian gần đây đã đẩy chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng cao. Chi phí sản xuất chịu tác động trực tiếp từ sự biến động giá cả vật liệu đầu vào. Khi giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với những hợp đồng dài hạn đã ký. Điều này có thể gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

6.3. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 6: Kết quả thực hiện nguồn hàng và sản xuất, pha chế xăng dầu Đơn vị tính: m³/tấn

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010			Năm 2011			6T 2012		
		Kế hoạch	Thực hiện	% KH	Kế hoạch	Thực hiện	% KH	Kế hoạch cả năm	Thực hiện 6 tháng	% KH năm
I	Nguồn hàng	315.699	411.498		267.700	260.094	94	107.000	94.014	89
1	Nhập khẩu	80.000	187.542	234	95.000	86.274	91			
2	Nhập Dung Quất	245.632	95.791	39	109.700	95.870	87			
3	Mua nội địa	70.067	128.165	183	72.000	77.950	108			
II	Sản xuất, pha chế	134.301	99.749	74	98.500	49.333	50	80.000	40.700	51
1	Xăng A92	77.608	27.346	48	25.100	5.896	23	14.000	25.040	179
2	Xăng A83	56.693	72.403	93	73.400	43.437	59	66.000	15.660	24

Nguồn: PV OIL MEKONG

Trong năm 2011, Công ty đã nhập tổng cộng 260.094 m³ tấn xăng dầu, đạt 94% kế hoạch năm. Trong đó:

- Bắt đầu nhập khẩu từ tháng 04 – 10/2011 với sản lượng nhập khẩu đạt 86.274 m³/tấn, vượt hạn ngạch do Bộ Công thương phê duyệt (điều chỉnh) là 80.000 m³/tấn và đạt 91% so với kế hoạch năm, chiếm tỷ trọng 33% tổng sản lượng nguồn.
- Nhập khẩu Dung Quất 95.870 m³/tấn, đạt 87% so kế hoạch năm, chiếm tỷ trọng 37% tổng sản lượng nguồn.
- Mua nội địa từ PV Oil và các đầu mối khác 77.950 m³/tấn, đạt 108% kế hoạch năm, chiếm tỷ trọng 30% sản lượng nguồn.

Sản lượng năm 2011 sụt giảm do tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn trước tác động của suy thoái kinh tế thế giới, Chính phủ triển khai nhiều biện pháp để ổn định nền kinh tế; ngoài ra, do Công ty đã tiến hành bàn giao thị trường ở một số tỉnh như: An Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang cho PV Oil.

Năm 2011, ở mảng sản xuất và pha chế Công ty đã sản xuất và pha chế 29 lô hàng xăng A83 và A92, tổng lượng pha chế là 49.333 m³/tấn, đạt 50% kế hoạch năm. Do đặc thù của vùng ĐBSCL nên nhu cầu thực tế về sử dụng xăng A83 hiện nay vẫn còn rất cao, cụ thể sản lượng xăng A83 tiêu thụ đạt 43.437 m³/tấn chiếm tỷ trọng 88% trong cơ cấu hàng sản xuất pha chế, trong khi mặt hàng xăng A92 chỉ chiếm tỷ lệ khiêm tốn là 12%.

Trong năm 2012, Công ty không còn là đầu mối nhập khẩu xăng dầu, nguồn hàng của Công ty trong năm được phân bổ từ nguồn hàng của PV Oil. Đến hết quý 2/2012, ngoài sản xuất và pha chế xăng phục vụ cho nhu cầu của Công ty, Công ty đã triển khai sản xuất và pha chế gia công cho PV Oil ở các tỉnh ĐBSCL. Sản lượng pha chế quý 2 đạt 31.813 m³/tấn, tăng 357% so với quý 1/2012, lũy kế thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 51% kế hoạch.

Bảng 7: Sản lượng và doanh thu tiêu thụ các năm

Stt	Hàng hóa, dịch vụ	Năm 2010	Năm 2011	6T 2012
I	Sản lượng (m³/tấn)	475.129	256.376	95.205
1	Xăng A95	10.153	9.360	6.459
2	Xăng A92	99.029	56.360	24.749
3	Xăng A83	75.653	43.815	23.563
4	DO	224.995	126.740	41.965
5	KO	4.184	140	51
6	FO	53.666	16.584	408

Stt	Hàng hóa, dịch vụ	Năm 2010	Năm 2011	6T 2012
7	Naptha	4.887	3.025	-
8	Sản phẩm, dịch vụ khác	2.562	352	-
II	Doanh thu (tỷ đồng)	5.955	4.377	1.799,5

Nguồn: PV OIL MEKONG

6.4. Chi phí

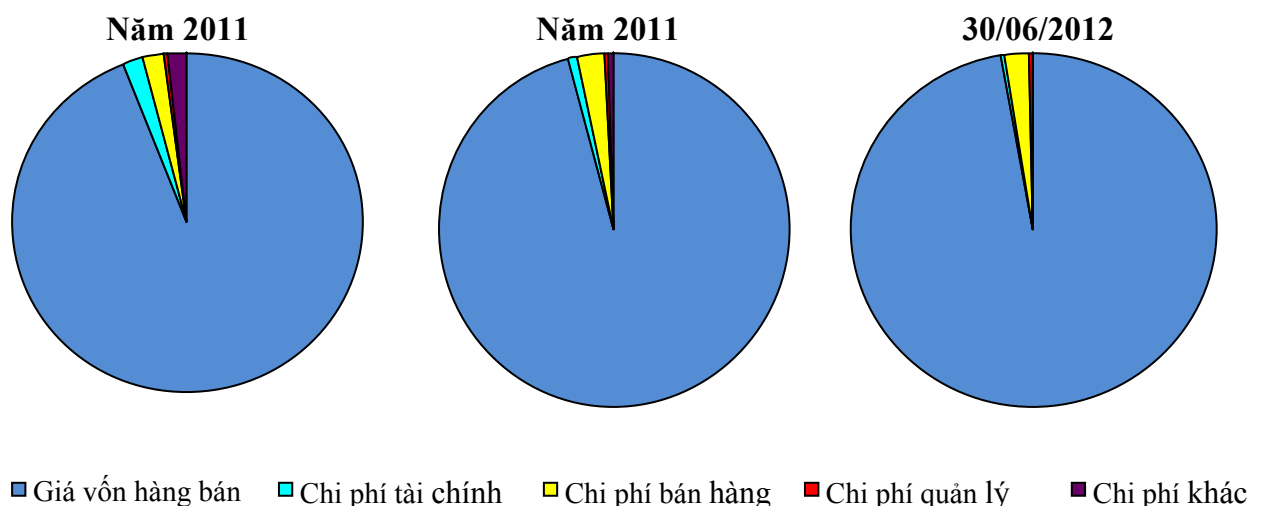
Bảng 8: Các khoản chi phí

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		30/06/2012	
		Giá trị	%/ Tổng chi phí	Giá trị	%/ Tổng chi phí	Giá trị	%/ Tổng chi phí
1	Giá vốn hàng bán	5.656.181	94,22	4.111.263	95,73	1.734.223	97,27
2	Chi phí tài chính	109.695	1,83	41.798	0,97	4.646	0,26
3	Chi phí bán hàng	127.926	2,13	103.152	2,40	39.895	2,24
4	Chi phí quản lý	17.604	0,29	14.174	0,33	3.866	0,22
5	Chi phí khác	91.794	1,53	24.356	0,57	227	0,01
	Tổng chi phí	6.003.200	100	4.294.743	100	1.782.857	100

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và báo cáo tài chính đến 30/06/2012 của PV OIL MEKONG

Biểu đồ 2: Tỷ trọng các khoản chi phí các năm



Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí (chiếm trên 94%). Tổng chi phí năm 2010 hơn 6.003 tỷ đồng, cao nhất trong các năm, trong đó chi phí tài chính lên đến 109,695 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do: năm 2010, tình hình lạm phát trong nước tăng cao trong điều kiện tăng trưởng tín dụng bị thắt chặt và tạo áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại, đã trực tiếp làm tăng lãi suất trên thị trường; Công ty hoạt động chủ yếu dựa trên vốn vay ngắn hạn đã khiến cho Công ty chịu áp lực lớn từ chi phí lãi vay (chi phí lãi vay hơn 43,6 tỷ đồng). Năm 2011, chi phí tài chính đã giảm xuống còn 41,798 tỷ đồng, giảm 61,9% so với năm 2010.

Từ năm 2011, Công ty đã thực hiện công tác tái cấu trúc công ty, xây dựng cơ chế tiền lương – thưởng, tinh giản, sắp xếp lại nhân sự, các phòng ban đơn vị trực thuộc, thực hiện chính sách tiết kiệm triệt để các khoản chi... nên khoản chi phí: bán hàng, quản lý doanh nghiệp đã có xu hướng giảm.

6.5. Trình độ công nghệ

Là doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng chiến lược xăng dầu, Công ty luôn ý thức thức trình độ công nghệ là một trong những yếu tố hàng đầu nâng cao khả năng cạnh tranh của đơn vị trên thị trường. Máy móc thiết bị của Công ty phần lớn được nhập khẩu từ các nước châu Âu như: Mỹ, Anh, Đức, Hà Lan và thuộc thế hệ máy mới.

Bảng 9: Một số máy móc thiết bị đang sử dụng

Stt	Tên thiết bị	Mã số	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng
1	Cân phân tích	TB-13-CAN-01.2 TB-13-CAN-01.1	02	11/2001
2	Lò nung	TB-13-LN-03	01	11/2001
3	Máy chung cất	TB-13-C.CAT-04.1 TB-13-C.CAT-04.2	02	11/2001
4	Hàm lượng nước	TB-13-NUOC-05	01	11/2001
5	Chớp cháy cốc kín pm	TB-13-CCCK-07	01	11/2001
6	Tạp chất trích ly	TB-13-TL-08	01	11/2001
7	Cặn Conradson	TB-13-CCR-09	01	11/2001
8	Xác định độ nhớt	TB-13-ĐN-10.1 TB-13-ĐN-10.2 TB-13-ĐN-10.3	03	11/2001

Stt	Tên thiết bị	Mã số	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng
9	Lưu huỳnh đốt đèn	TB-13-Đ.ĐEN-12	01	11/2001
10	Chớp cháy cốc kín tag	TB-13-CCCK-13	01	11/2001
11	Nhiệt độ đông đặc	TB-13-ĐĐ-14	01	11/2001
12	Quay ly tâm	TB-13-L.TAM-15	01	11/2001
13	Điểm khói	TB-13-Đ.KHOI-16	01	11/2001
14	So màu astm	TB-13-S.MAU-17	01	11/2001
15	Bộ đo tỷ trọng	TB-13-TT-18	01	11/2001
16	Bộ dụng cụ lấy mẫu	TB-13-L.MAU-19	02	11/2001
17	Tủ sấy	TB-13-TUS-20.1 TB-13-TUS-20.2	02	11/2001
18	Áp kế	TB-13-AK-21	01	03/2008
19	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm	TB-13-AMK-22.1 TB-13-AMK-22.2	02	03/2008
20	Áp suất hơi bão hòa	TB-13-ASH-23	01	11/2001
21	Nhiệt trị	TB-13-NT-27	01	11/2001
22	Độ ổn định oxy hóa	TB-13-OXIH-28	01	11/2001
23	Đồng hồ bấm giây	TB-13-ĐH-31	01	11/2001

Nguồn: PV OIL MEKONG

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện tại, Công ty đã xây dựng 3 đề án phát triển nhiên liệu sinh học:

- Hợp tác với Bộ Công thương hoàn thiện quy trình công nghệ và sản xuất thử nghiệm phụ gia chống tách lớp và phụ gia chống an mòn cho xăng sinh học E5.
- Sản xuất cồn khan từ cồn công nghiệp bằng phương pháp hấp thụ Zeolit 3A dùng để pha xăng E5.
- Sản xuất thử nghiệm cồn Biodiesel (B5) từ dầu cọ (B100).

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng Công ty đang áp dụng:

- ISO 9001:2008.
- ISO/IEC 17025:2005.





Phòng Quản lý hàng hóa chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng xăng dầu trong toàn Công ty bao gồm: Tổng kho xăng dầu, các chi nhánh và cửa hàng xăng dầu trực thuộc và duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025:2005, VILAS 308.

Toàn bộ thiết bị, dụng cụ đo lường của Công ty được kiểm soát thông qua Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, bán tự động tại QT15-02 thống nhất, đồng bộ, đúng quy định pháp luật tại các kho (16 kho), cửa hàng xăng dầu (28 cửa hàng), phương tiện vận chuyển (21 xitec và 7 tàu).

Nhằm tăng cường công tác kiểm soát số lượng, Công ty đã phối hợp cùng với Tổng cục Đo lường chất lượng và Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng chức năng kiểm định bể trụ nằm ngang và được cấp chứng nhận từ tháng 07/2008 và đã tự thực hiện kiểm định bể (90 bể) trong toàn Công ty và hệ thống đại lý, đã thu hồi được vốn.

Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng với Tổng cục Đo lường chất lượng xây dựng chức năng kiểm định trụ bơm trong toàn hệ thống cửa hàng xăng dầu trực thuộc Công ty (28), tổng đại lý (10), đại lý (188).

6.8. Hoạt động Marketing

6.8.1. Hệ thống phân phối

Hiện nay, Công ty đã xây dựng được một hệ thống các tổng đại lý, đại lý và cửa hàng xăng dầu phủ khắp thị trường khu vực ĐBSCL cụ thể như sau:

- Tổng đại lý: 10 đơn vị với 406 điểm bán lẻ.
- Đại lý trực tiếp: 188 đơn vị.
- Khách hàng công nghiệp: 38 đơn vị.
- Cửa hàng xăng dầu trực thuộc: 28 đơn vị.

Các phương tiện vận chuyển:

- 7 phương tiện tàu chuyên dụng chở dầu: tổng dung lượng 2.430 m³.
- 21 xe ô tô xitec chở xăng dầu: tổng dung tích 186 m³.

Bảng 10: Hệ thống tồn chứa hiện tại

Stt	Tên kho	Năng lực cầu cảng (tấn)	Sức chứa (m ³)
I	Tổng kho xăng dầu Cần Thơ	15.000/3.000/500	72.000
II	Kho trung chuyển	2.300	4.470
1	Kho Bạc Liêu	500	1.500
2	Kho Long Đức – Trà Vinh	1.000	1.800
3	Kho Phụ Hoàng – Hậu Giang	200	250

Stt	Tên kho	Năng lực cầu cảng (tấn)	Sức chứa (m ³)
4	Kho Gành Hào – Bạc Liêu	200	120
5	Kho Ba Tri – Bến Tre	400	800
III	Kho thuê	450	782
1	Kho Tân Thạnh – Sóc Trăng	300	580
2	Tân Hòa – Hậu Giang	150	202

Nguồn: PV OIL MEKONG

6.8.2. Chiến lược cạnh tranh đang áp dụng

- Chiến lược tăng trưởng tập trung: củng cố và giữ chân khách hàng hiện tại; Tập trung phát triển khách hàng đầu mối và khách hàng công nghiệp; tiếp tục phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu của Công ty và phát triển hệ thống đại lý, tổng đại lý.
- Chiến lược tăng trưởng đa dạng hóa: cung cấp sản phẩm hiện tại cho khách hàng mới, phát triển các sản phẩm mới – đặc biệt chú trọng đến các sản phẩm nhiên liệu sinh học để cung ứng cho khách hàng hiện tại, phát triển thêm khách hàng công nghiệp. Đa dạng hóa mặt hàng, dịch vụ xoay quanh trực chính là xăng dầu.
- Chiến lược hội nhập: đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng thông qua việc hỗ trợ khách hàng. Đồng thời đầu tư kho cảng xăng dầu để chủ động nguồn hàng và mở rộng thị trường kinh doanh.
- Chiến lược chức năng: thực hiện chiến lược Marketing tổng hợp để phát triển kinh doanh và quảng bá thương hiệu, thực hiện đầu tư phát triển, quản trị tài chính, thu hút nguồn vốn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.8.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược

- Tập trung duy trì và mở rộng thị phần đối với các địa bàn đã có tại các tỉnh thành ở ĐBSCL.
- Liên doanh liên kết với các công ty kinh doanh xăng dầu tại các địa phương để tận dụng các lợi thế sẵn có như đất đai, cơ sở vật chất, kho cảng, khách hàng... phát triển lĩnh vực mũi nhọn là sản xuất chế biến và kinh doanh xăng dầu, đồng thời mở rộng phát triển các lĩnh vực khác như kinh doanh dầu nhờn, hóa chất, phân đạm; kinh doanh vận tải xăng dầu, dịch vụ và một số các lĩnh vực liên quan khác.
- Mở rộng các hoạt động kinh doanh ra ngoài nước, tập trung xuất khẩu sản phẩm

hàng hóa dịch vụ sang thị trường Campuchia, Lào và các nước ASEAN.

- Thành lập các văn phòng đại diện ở nước ngoài như Lào, Trung Quốc... để chủ động trong công tác xuất khẩu và kinh doanh ngoài nước.
- Duy trì và mở rộng số lượng đại lý và tổng đại lý hiện có trong toàn vùng, đối tượng ưu tiên phát triển chủ yếu gồm:
 - Các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước kinh doanh sản xuất trong lĩnh vực xăng dầu, dầu khí.
 - Khách hàng công nghiệp như các nhà máy điện, các khu công nghiệp tập trung.
 - Phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu trực thuộc.
 - Các công ty kinh doanh vận tải...
- Phát triển đa dạng các nguồn vốn đầu tư như cổ phần, liên doanh liên kết, huy động từ CBCNV... đáp ứng tối đa nhu cầu phát triển của Công ty.
- Hoàn tất chuyển đổi thành công ty cổ phần đại chúng, thực hiện tăng vốn điều lệ theo nhu cầu nguồn vốn phát sinh từ thực tế kinh doanh.
- Xây dựng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con: công ty con là các công ty cổ phần trên cơ sở nâng cấp và tổ chức lại các chi nhánh tại các tỉnh tại vùng ĐBSCL có vốn góp chi phối của công ty mẹ chuyên kinh doanh xăng dầu, hóa chất, phân đạm...
- Chuẩn bị tốt công tác đào tạo và bố trí nhân lực đủ mạnh cho hoạt động của các công ty con tại các tỉnh.
- Tin học hóa cho các phòng trong Công ty và tự động hóa đo đếm ở các kho, cửa hàng...
- Xây dựng văn hóa Công ty trở thành một công ty chuyên nghiệp, đạt trình độ của một công ty đa quốc gia.
- Tiếp tục cải tiến chính sách trả lương và các chính sách khác đối với người lao động để giữ và thu hút lao động chất xám cho Công ty.
- Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, ISO/IEC 17025:2005.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

 **Chất lượng sản phẩm:**

Được Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (Quacert) thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 1:2007/BKHCN mang số hiệu:

- Xăng không chì RON 83: QC 0014-09-01.
- Xăng không chì RON 92: QC 0015-09-01.

 Logo:

Công ty đã thay đổi logo và tên viết tắt của Công ty từ PETROMEKONG thành PV OIL MEKONG để tạo sự thống nhất nhận dạng thương hiệu trong toàn hệ thống của Tổng Công ty Dầu Việt Nam.



6.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 11: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Số hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)	Đối tác	Sản phẩm
1	110B-12/HĐTĐL-DKMK	01/09/2012	79.625.000.000	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Xăng dầu
2	14-12/HĐTĐL-DKMK	01/08/2012	34.125.000.000	Công ty TNHH MTV Đông Phương Tây Đô	Xăng dầu
3	92-12/HĐTĐL-DKMK	16/07/2012	68.250.000.000	Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp 99	Xăng dầu
4	10-12/HĐTĐL-DKMK	20/04/2012	31.850.000.000	Công ty TNHH Gia Thành	Xăng dầu
5	03-12/HĐTĐL-DKMK	19/04/2012	51.187.500.000	Công ty TNHH Kinh doanh Xăng dầu Cam Thủy	Xăng dầu
6	08-12/HĐTĐL-DKMK	01/04/2012	51.187.500.000	Công ty TNHH MTV Điện Hiền	Xăng dầu
7	05-12/HĐTĐL-DKMK	01/03/2012	56.875.000.000	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu	Xăng dầu
8	03/HĐMBXD-DKMK	27/03/2012	749.760.000	Công ty TNHH Xăng dầu Bách	Xăng dầu

Stt	Số hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)	Đối tác	Sản phẩm
				Việt	
9	01/HĐMBXD-Petimex	15/12/2011	60.368.000.000	Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Petimex)	Xăng dầu
10	292/PV OIL.SPD-Mekong/11-11/B	11/2011	92.830.795.200	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Xăng dầu

Nguồn: PV OIL MEKONG

Ngoài sản phẩm xăng dầu, Công ty PV OIL MEKONG còn ký kết các hợp đồng mua trang thiết bị xăng dầu, thuê kho, giữ hộ, gia công pha chế xăng dầu, mua bán phụ gia, giám định đo lường kiểm định trụ bơm... với các đối tác: Tổng Công ty Dầu Việt Nam, Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Năng lượng Dầu khí; Công ty TNHH Kỹ thuật Sao Việt.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

Bảng 12: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	30/06/2012
1	Tổng tài sản	999.953.448.035	986.425.241.868	850.877.527.172
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.845.442.927.412	4.308.138.755.238	1.798.474.075.272
3	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.262.407.628	196.875.570.182	64.250.788.228
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(38.831.474.968)	62.033.194.936	17.481.638.634
6	Lợi nhuận khác	167.194.873.212	42.136.364.982	3.564.289.131
7	Lợi nhuận trước thuế	128.363.398.244	104.169.559.918	21.045.927.765
8	Lợi nhuận sau thuế	113.080.268.431	103.644.300.952	20.499.184.240
9	Tỷ lệ trả cổ tức	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và Báo cáo tài chính đến 30/06/2012 của PV OIL MEKONG

Năm 2010, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt trên 113 tỷ đồng, tuy nhiên đến 31/12/2010 Công ty vẫn còn khoản lỗ lũy kế 102 tỷ đồng; trong khi đó, năm 2009, lợi nhuận sau thuế của Công ty là -175 tỷ đồng và lỗ lũy kế lên đến hơn 259 tỷ đồng. Do vậy, năm 2010 Công ty không tiến hành trả cổ tức cho cổ đông. Nguyên nhân dẫn đến khoản lỗ lớn trong năm 2009 và lỗ lũy kế trong năm 2010 như trên là do: năm 2009, Nhà nước xóa bỏ cơ chế bù lỗ, đồng thời áp dụng Nghị định số 84/2009/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu, trong khi hoạt động của Công ty vẫn chưa kịp chuyển đổi chuyển đổi để phù hợp với tình hình mới. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của đợt biến động giá xăng dầu cuối năm 2008 và đầu năm 2009 với biên độ dao động vượt xa bình thường. Hậu quả là Công ty phải chịu khoản lỗ lũy kế hơn 259 tỷ đồng trong năm 2009.

Năm 2010, Công ty đã xây dựng kế hoạch tái cấu trúc lần 1 với mục tiêu là tái cấu trúc lại nguồn vốn bao gồm các giải pháp tổ chức lại bộ máy, bố trí lại nhân sự, đổi mới phương thức quản lý, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hoãn, giãn tiến độ các công trình xây dựng cơ bản, củng cố toàn diện mọi mặt của Công ty và quan trọng nhất là xây dựng giải pháp huy động vốn để tăng vốn điều lệ để kịp thời thích ứng với cơ chế hoạt động xăng dầu theo tinh thần của Nghị định số 84/2009/NĐ-CP. Kết quả là đến cuối năm 2010, bằng các giải pháp về vốn (trong đó, Công ty đã chuyển nhượng Tổng kho xăng dầu Cần Thơ cho PV Oil thu được khoản lợi nhuận khác hơn 167 tỷ đồng), Công ty đã có lợi nhuận trước thuế là 104 tỷ đồng, giảm số lỗ lũy kế còn 146 tỷ đồng.

Bước sang năm 2011, với mục tiêu xóa lỗ và nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, sau khi xem xét, đánh giá định hướng phát triển của Công ty, Công ty chính thức tăng vốn điều lệ từ 112 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty đề ra kế hoạch tái cấu trúc hình ảnh Công ty thông qua các giải pháp tổng thể nhằm xóa triệt để khoản lỗ lũy kế, tăng cường công tác quản trị tài chính, thay đổi nhận dạng và làm mới hình ảnh Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Tổng Công ty Dầu Việt Nam. Nhờ các giải pháp đó, mặc dù chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ với hàng loạt các đơn vị kinh doanh xăng dầu trên cùng địa bàn nhưng kết thúc năm 2011, Công ty vẫn đạt được những hiệu quả kinh doanh đáng ghi nhận với sản lượng thực hiện hơn 256 ngàn tấn/m³ xăng dầu các loại, doanh thu đạt hơn 4.300 tỷ đồng. Thực hiện điều chỉnh quỹ bình ổn năm 2010 (44 tỷ đồng) làm giảm lỗ lũy kế từ năm trước chuyển sang (146 tỷ đồng) xuống còn 102 tỷ đồng; từ lợi nhuận trong năm và điều chỉnh quỹ bình ổn, Công ty đã xóa hoàn toàn khoản lỗ lũy kế năm trước chuyển sang, có lợi nhuận sau thuế cuối năm 2011 là 2 tỷ đồng.

Bước vào năm 2012, thực hiện định hướng của Chính phủ, Tập đoàn và Tổng Công ty trong việc thống nhất đầu mối xăng dầu và PV OIL MEKONG không còn là đầu mối nhập khẩu xăng dầu trong bối cảnh Nhà nước vẫn tiếp tục quản lý, điều hành giá xăng dầu như hiện nay. Có thể nói, Công ty tiếp tục phải vượt qua những thử thách mới. Để chủ động thích ứng với các điều kiện mới, Công ty đã xây dựng kế hoạch tái cấu trúc lần 3 – tái cấu trúc định hướng chiến lược phát triển Công ty nhằm hiện thực hóa các tiềm năng và thế mạnh của công ty với mục tiêu đặt ra là phân đấu đạt sản lượng 298.000 m³, đạt doanh thu 4.957 tỷ đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

➤ Năm 2010:

- Lạm phát tăng cao trong điều kiện tăng trưởng tín dụng bị thắt chặt và tạo áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại đã trực tiếp làm tăng lãi suất. Điều này đồng nghĩa với tăng chi phí vốn vay của các doanh nghiệp nói chung và khiến Công ty phải chịu áp lực lớn từ chi phí lãi vay do hoạt động kinh doanh chủ yếu dựa trên nguồn vốn vay ngắn hạn.
- Tỷ giá VND/USD liên ngân hàng tăng 5,5%: áp lực nhập siêu và mục tiêu thúc đẩy xuất khẩu cải thiện cán cân thanh toán, hạn chế nhập siêu là nguyên nhân chính của quyết định điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng trong năm. Bên cạnh đó, thông tin về nguồn dự trữ ngoại hối của Việt Nam đang sụt giảm và sự suy giảm lòng tin của người dân về tiền đồng trong những tháng cuối năm từ đó đã tạo ra sự chênh lệch khá lớn giữa tỷ giá thị trường tự do và chính thức. Yếu tố này đã làm tăng thêm chi phí từ các khoản vay ngoại tệ do các doanh nghiệp đầu mỗi phải nhập khẩu để đáp ứng 70% nhu cầu xăng dầu thị trường trong nước. Do hạn chế nguồn thu ngoại tệ từ việc kinh doanh cung cấp sản phẩm cho nước ngoài trong đó có tái xuất, và phần lớn nguồn vốn để nhập khẩu của Công ty trong năm đều từ vốn vay ngoại tệ trong ngắn hạn. Đó cũng là gánh nặng cho các khoản vay ngoại tệ của Công ty trong những tháng đầu năm khi phải nhập khẩu để bổ sung cho hàng Dung Quất và tạm nhập để đảm bảo cung ứng cho khách hàng ở Campuchia.
- Nghị định số 84/2009/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu quy định doanh nghiệp có quyền tự chủ trong quyết định giá bán xăng dầu dưới sự quản lý của Nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tế, trừ 3 tháng đầu năm, việc điều chỉnh giá xăng dầu trong các tháng còn lại đều có sự can thiệp của Nhà nước do Chính phủ đang thực hiện nhiều biện pháp kiểm soát giá để kiềm chế lạm phát. Kết quả là giá xăng dầu trong nước đã không theo sát với diễn biến của thị trường thế giới.
- Trong quý 1, sản lượng cung cấp từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất bị gián đoạn do phải hoàn tất công tác kiểm tra, nghiệm thu. Mặc dù từ tháng 4 trở đi, Nhà máy đã cung cấp nguồn hàng ổn định nhưng giá cả và chủng loại sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ thực tế, Công ty vẫn phải duy trì nguồn hàng nhập khẩu.
- Trong năm, việc giải quyết sự thiếu hụt nhiều nguồn vốn lưu động vẫn còn là vấn đề nan giải đối với Công ty; việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ không thành công, thêm vào đó việc thoái vốn của một số cổ đông sáng lập đã gây áp lực đến việc huy động vốn của Công ty.

➤ Năm 2011:

- Kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP là 5,9% thấp hơn năm 2010 và thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch năm.
- Giá xăng dầu thế giới biến động phức tạp và trái ngược so với các sự báo và nhận định của các tổ chức và chuyên gia.
- Cân đối vĩ mô còn nhiều căng thẳng: lạm phát năm 2011 là 18,6% tăng cao so với mục tiêu của Chính phủ; cán cân vãng lại thâm hụt, gây sức ép lên tỷ giá hối đoái và làm giảm dự trữ ngoại hối; tiền đồng bị mất giá: Ngân hàng Nhà nước hạ giá tiền đồng so với USD 3 lần; tình trạng hai tỷ giá: tỷ giá VND/USD trên thị trường cao hơn giá niêm yết; lãi vay tăng cao hơn so với năm 2010.
- Thay đổi chính sách điều hành kinh doanh xăng dầu: hoạt động kinh doanh xăng dầu chịu tác động mạnh bởi hàng loạt quy định phát lý theo hướng thắt chặt gây khó khăn trong việc chủ động điều hành kinh doanh, tiêu biểu như việc áp dụng điều hành giá của Chính phủ không bám sát theo biến động giá xăng dầu thế giới đúng tinh thần Nghị định số 84/2009/NĐ-CP; chi phí định mức hoạt động theo bảng tính giá thành cơ sở đã không còn phù hợp với tình hình thực tế.
- Thị trường kinh doanh tại ĐBSCL: sự có mặt đầy đủ của tất cả các đầu mối kinh doanh xăng dầu đã tạo nên sự cạnh tranh rất khốc liệt về giá trong năm 2011, điều này cũng ảnh hưởng về hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2011.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Xăng dầu được coi là mặt hàng chiến lược quốc gia, có ảnh hưởng trọng yếu tới toàn bộ nền kinh tế, do đó Nhà nước quản lý giám sát khá chặt chẽ về giá bán cũng như số lượng/chất lượng xăng dầu kinh doanh. Nghị định 84/2009/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/12/2009 khuyến khích mọi thành phần kinh tế kinh doanh xăng dầu. Tuy nhiên, doanh nghiệp muốn kinh doanh phải thỏa mãn các tiêu chuẩn rất khắt khe về cầu cảng, kho bãi, phương tiện vận chuyển và hệ thống phân phối xăng dầu, cũng như đủ tiềm lực để kinh doanh dài hạn, gắn bó với ngành. Bên cạnh đó, Nhà nước chưa có cam kết cho các doanh nghiệp nước ngoài được tham gia phân phối xăng dầu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, rào cản gia nhập thị trường xăng dầu là rất lớn và khả năng thị phần kinh doanh xăng dầu bị san sẻ bởi các doanh nghiệp mới là khá hạn chế.

Hiện nay, thị trường xăng dầu ở ĐBSCL đã có sự hiện diện của tất cả các đầu mối xuất nhập khẩu kinh doanh xăng dầu trong cả nước như: Petrolimex, PV Oil, Petimex, Saigon Petro... Trong đó, thị phần ước lượng của Công ty trong năm 2011 đạt khoảng 7 – 8% thị phần của thị trường ĐBSCL. Trước đây, thị trường của Công ty phủ khắp 13 tỉnh của thị

trường miền Tây, hiện nay do chủ trương phân chia thị trường của PV Oil, Công ty đã thu hẹp thị trường còn lại 7 tỉnh thành là: Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang, Trà Vinh, Bến Tre và Cà Mau.

Trong sự cạnh tranh khốc liệt đến từ các tập đoàn kinh doanh xăng dầu, doanh nghiệp cùng ngành có thể mạnh như Petrolimex, Petimex... việc Công ty chiếm 7 – 8% thị phần được xem là một thành công khá lớn của Công ty.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch 5 năm 2011 – 2015” với những mục tiêu cụ thể như: tốc độ tăng trưởng 18 - 20%/năm, tổng doanh thu đạt khoảng 3.380 nghìn tỉ đồng, nộp ngân sách Nhà nước đạt 725 nghìn tỷ đồng, 135 – 143 triệu tấn quy dầu...

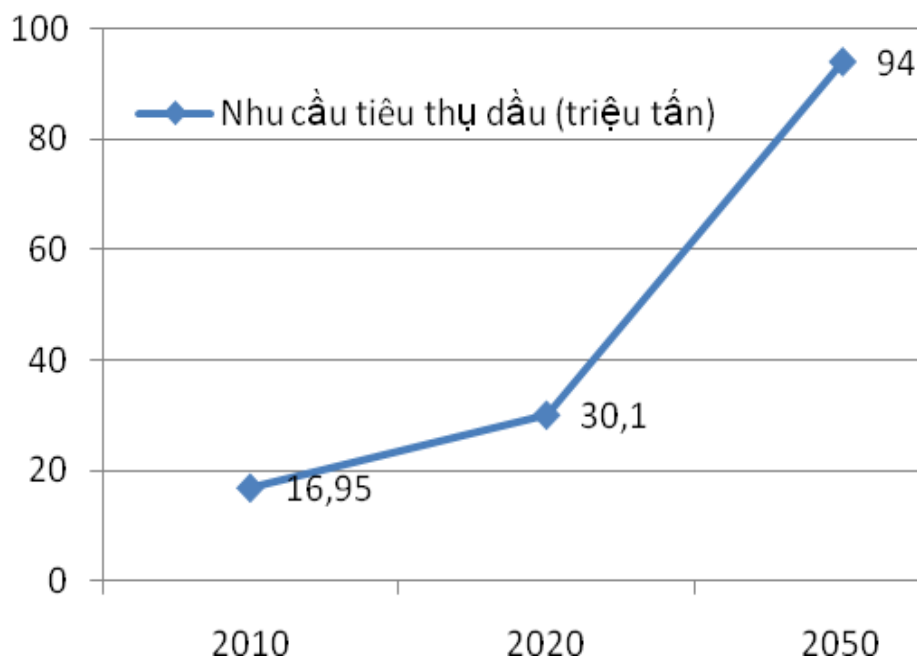
Theo thống kê từ Bộ Công thương, mức tăng trưởng trung bình của sản lượng xăng dầu tiêu thụ ở Việt Nam từ năm 2000 tới nay vào khoảng 6 – 8% và được dự báo sẽ tăng trưởng vào khoảng 8% cho tới 2020. Đối với lĩnh vực dầu, Bộ Công thương đưa ra tầm nhìn đến 2050 đã tính toán nhu cầu dầu vào năm 2020 vào khoảng 29 – 31,2 triệu tấn/năm, đến năm 2050 con số này sẽ lên tới 90 – 98 triệu tấn/năm.

Biểu đồ 3: Dự báo nhu cầu tiêu xăng dầu đến năm 2020



Nguồn: Bộ Công thương

Biểu đồ 4: Dự báo nhu cầu tiêu xăng dầu đến năm 2050



Nguồn: Bộ Công thương

Trước năm 2009, toàn bộ xăng dầu tiêu thụ của Việt Nam đều phải nhập khẩu, đến tháng 02/2009, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đã chính thức đi vào hoạt động, đáp ứng được khoảng 30 – 35% nhu cầu tiêu thụ xăng dầu nội địa với công suất thiết kế của nhà máy đạt 6,5 triệu tấn/năm, kế hoạch sẽ nâng lên 10 triệu tấn/năm. Dự kiến trong vòng 10 – 15 năm tới, Việt Nam sẽ có ít nhất ba nhà máy lọc dầu đi vào hoạt động, trong đó Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa (nhà máy lọc dầu số 2) dự kiến đi vào hoạt động năm 2013 với công suất 10 triệu tấn/năm, các dự án nhà máy dầu còn lại đang trong kế hoạch bao gồm: Nhà máy Lọc dầu ở Long Sơn – Vũng Tàu (nhà máy lọc dầu số 3), Nhà máy Lọc dầu Vũng Rô (Phú Yên), Nhà máy Lọc dầu Cần Thơ, dự án Nhà máy Lọc dầu Nam Vân Phong do Petrolimex làm chủ đầu tư đang trong quá trình triển khai... Dự kiến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước sẽ được đáp ứng đủ từ các nhà máy này.

Những số liệu thống kê như trên cho thấy tiềm năng phát triển ngành xăng dầu là rất lớn, đây là cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và Công ty nói riêng gia tăng thị phần, đảm bảo cung ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Việt Nam được đánh giá là nền kinh tế năng động thứ 2 trên thế giới, chỉ sau Trung Quốc. Nền kinh tế Việt Nam sẽ còn phát triển mạnh từ nay đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đưa ra các mục tiêu:

- Tập đoàn Dầu khí trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng trong chiến lược

phát triển kinh tế đất nước, làm đầu tàu cho các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

- Đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.
- Tỷ trọng dịch vụ chiếm từ 30 – 40% tổng doanh thu đến năm 2025.

Theo Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 386/QĐ-TTg ngày 09/03/2006 và Quy hoạch phát triển ngành Dầu khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 233/QĐ-TTg ngày 18/02/2009. Tập đoàn Dầu Khí Quốc gia Việt Nam nêu rõ trong Chiến lược và Quy hoạch là: *“Đưa ngành dầu khí trở thành một ngành kinh tế – kỹ thuật quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của đất nước; xây dựng ngành Dầu khí Việt Nam hoàn chỉnh từ tìm kiếm thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ, phân phối, dịch vụ và xuất nhập khẩu; tăng cường công tác tìm kiếm – thăm dò – khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí trong nước, từng bước mở rộng hoạt động dầu khí ra nước ngoài; tích cực xây dựng công nghiệp lọc hóa dầu và sử dụng khí thiên nhiên; đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực dầu khí, từng bước hình thành và phát triển thị trường dầu khí cạnh tranh; mở rộng và đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ dầu khí; phát triển nhanh, hiệu quả đi đôi với việc đảm bảo an ninh quốc phòng, đảm bảo chủ quyền quốc gia, bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái và tiết kiệm năng lượng cho sự phát triển bền vững của đất nước”*. Đến nay, ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam là một ngành kinh tế – kỹ thuật mũi nhọn của đất nước, phát triển một cách nhanh chóng, bền vững theo định hướng có chiều sâu, đảm bảo tính đồng bộ, hạn chế tính chồng chéo trong các loại hình phát triển, mở rộng ngành nghề theo hướng đa ngành để phát huy thế mạnh của ngành và đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trở thành một Tập đoàn kinh tế chủ lực của Việt Nam.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30/06/2012, tổng số lao động của Công ty là 292 người, với cơ cấu phân theo: giới tính, trình độ chuyên môn, thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 13: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2012

Stt	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính	292	100
1	Nam	233	79,79
2	Nữ	59	39,06
II	Phân theo trình độ chuyên môn	292	100

Stt	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	150	51,37
2	Cao đẳng, trung cấp	57	19,52
3	Công nhân kỹ thuật	73	25,00
4	So cấp và lao động phổ thông	12	4,11
III	Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	292	100
1	Không phải ký hợp đồng, không xác định thời hạn	244	83,56
2	Có xác định thời hạn từ 1 – 3 năm	47	16,09
3	Ngắn hạn dưới 1 năm	1	0,35
IV	Loại hình lao động	292	100
1	Lao động trực tiếp	164	56,16
2	Lao động gián tiếp	128	43,84

Nguồn: PV OIL MEKONG

9.2. Chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Chính sách lương – thưởng của Công ty thường xuyên được cập nhật, đảm bảo đúng các quy định về mức lương tối thiểu chung, lương tối thiểu vùng của Nhà nước theo từng thời điểm. Trong năm 2011, Công ty đã ban hành mới Quy chế trả lương, trả thưởng để phù hợp với cơ cấu tổ chức đồng thời động viên, khích lệ hơn nữa đội ngũ CBCNV của Công ty phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao như sau:

- Chế độ nâng lương cho CBCNV được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đúng quy định của Nhà nước và Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Khi lương tối thiểu theo quy định của nhà nước tăng thì lương của người lao động cũng được tăng theo. Người lao động làm việc ở vị trí nào thì được hưởng lương công việc theo vị trí đó. Đến hạn nâng lương thì người lao động sẽ được trình xét nâng lương theo đúng niên hạn.
- Người lao động làm việc được hưởng lương theo thời gian đối với các công việc không khoán được sản phẩm (khởi hành chính, kế toán...), hưởng lương theo sản phẩm đối với các công việc khoán theo sản phẩm, chất lượng và hiệu quả công việc.
- Người lao động làm thêm ngoài giờ được chi trả tiền làm thêm ngoài giờ theo quy định của Nhà nước.

- Vào các dịp lễ, tết Công ty đều có chính sách thưởng cho người lao động, mức thưởng tùy thuộc vào hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh. Tổng kết cuối năm căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc, người lao động được bình xét thi đua khen thưởng.
- Các trường hợp nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức...) Công ty đều thanh toán 100% lương cơ bản cho người lao động. Lao động nữ sau khi sinh được Công ty trợ cấp theo quy định của pháp luật.

9.2.2. Chính sách đào tạo

Công ty luôn xác định nhân tố con người là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ CBCNV, đặc biệt chú trọng đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng kiến thức về các tiêu chuẩn chất lượng, thực hiện công tác phòng chống cháy nổ, kỹ năng bán hàng, kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề chuyên môn, đào tạo công nhân viên giỏi ngang tầm nhiệm vụ...; tăng cường các công tác đào tạo nội bộ, tích lũy kinh nghiệm cho CBCNV của Công ty.

9.2.3. Các hoạt động đoàn thể xã hội

Công ty luôn chú trọng các hoạt động đoàn thể để nâng cao tinh thần đoàn kết cho CBCNV của Công ty. Vào các ngày lễ như: 8/3, 20/10, 1/6... Công ty đều có những hoạt động kỷ niệm để chào mừng. Các ban, ngành, đoàn thể tại Công ty luôn được lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động tốt. Các hoạt động đoàn thể của công ty ngày một ổn định, sinh động góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Công ty đảm bảo sau khi đã trả hết số cổ tức đã định vẫn đảm bảo thanh toán được các khoản nợ và nghĩa vụ về tài sản đến hạn phải trả. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở đề xuất của HĐQT, kết quả hoạt động kinh doanh và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo.

Trong các năm 2010 và 2011 do PV OIL MEKONG phải thực hiện xóa các khoản lỗ lũy kế trong năm 2009 cũng như trích lập quỹ bình ổn giá xăng dầu, do đó Công ty chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế

toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao của PV OIL MEKONG được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính:

Bảng 14: Thời gian khấu hao ước tính của TSCĐ

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao ước tính (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 18
2	Máy móc, thiết bị	3 – 9
3	Phương tiện vận tải	4 – 8
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
5	TSCĐ khác	4 – 7

Nguồn: PV OIL MEKONG

11.1.2. Mức lương bình quân

Số lượng người lao động bình quân của Công ty vào đầu năm 2012 là 285 người, đến tháng 06/2012 là 292 người, lương bình quân năm 2011 của CBCNV là 7.043.911 đồng/người/tháng.

Bảng 15: Mức lương bình quân của CBCNV qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2012	Năm 2012 (dự kiến)
Lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.047.879	7.403.911	7.781.014

Nguồn: PV OIL MEKONG

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện tốt, thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn trong năm 2011.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí và lệ phí...

Bảng 16: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	30/06/2012
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	634.191.554	165.688.666	574.067.812
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.491	46.821	102.249
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.605.306.263	378.825.616	696.492.437
4	Thuế thu nhập cá nhân	282.668.436	57.976.200	-
5	Các khoản phí và lệ phí	10.971.653.900	11.190.757.500	11.551.265.700
	Tổng cộng	13.493.883.644	11.793.294.803	12.821.928.528

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và báo cáo tài chính đến 30/06/2012 của PV OIL MEKONG

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do ĐHCĐ quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Bảng 17: Số dư các quỹ
Đơn vị tính: đồng

Stt	Các quỹ	Năm 2010	Năm 2011	6/2012
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	557.723.409	557.723.409
2	Quỹ dự phòng tài chính	2.584.959.737	2.696.504.419	2.696.504.419
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	338.202.247	149.710.411	109.723.502
4	Quỹ bình ổn giá xăng dầu	61.477.649.600	42.799.115.928	34.768.206.108
	Tổng cộng	64.400.811.584	45.645.330.758	37.574.434.029

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và báo cáo tài chính đến 30/06/2012 của PV OIL MEKONG

11.1.6. Tổng dư nợ vay
Bảng 18: Tổng dư nợ vay năm 2011
Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011
I	Vay ngắn hạn ngân hàng	168.538.985.264
1	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	79.979.520.000
2	Ngân hàng TMCP Quân Đội	88.559.465.264
II	Vay dài hạn ngân hàng	27.719.325.212
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	21.275.290.909
2	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	6.444.034.303
	Tổng cộng	196.258.310.476

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011 của PV OIL MEKONG

11.1.7. Tình hình công nợ
➤ Các khoản phải thu:
Bảng 19: Các khoản phải thu
Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		30/06/2012	
		Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
1	Phải thu khách hàng	127.752.598.393		141.642.352.870		150.827.289.174	
2	Trả trước cho người bán	17.137.732.278		14.138.905.227		18.951.725.111	
3	Các khoản phải thu khác	35.450.058.418		66.809.574.608		99.241.378.461	
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(6.921.073.985)		(8.142.414.867)		(8.142.414.867)	
	Tổng cộng	173.419.315.104		214.448.417.838		260.877.977.879	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và báo cáo tài chính đến 30/06/2012 của PV OIL MEKONG

➤ **Các khoản phải trả:**

Bảng 20: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		30/06/2012	
		Tổng số	Nợ quá hạn		Nợ quá hạn		Nợ quá hạn
I	Nợ ngắn hạn						
1	Vay và nợ ngắn hạn	349.699.985.868		178.733.385.264		17.728.090.909	
2	Phải trả cho người bán	200.010.058.174		327.796.050.714		399.994.990.062	
3	Người mua trả tiền trước	9.258.545.672		2.353.113.522		281.913.099	
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.493.883.644		11.793.294.803		12.821.928.258	
5	Phải trả người lao động	745.818.854		11.299.255.597		4.899.213.581	
6	Chi phí phải trả	264.660.163		1.039.995.883		147.747.600	
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	306.343.515.500		37.205.791.152		3.961.696.147	
II	Nợ và vay dài hạn						
1	Phải trả dài hạn khác	28.500.000		28.500.000		28.500.000	
2	Vay và nợ dài hạn	33.352.367.912		17.524.925.212		-	
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.366.496.050		890.374.106		596.789.658	
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	338.202.247		149.710.411		109.723.502	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và báo cáo tài chính đến 30/06/2012 của PV OIL MEKONG

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,74	1,16
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,51	0,71
+ Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,23	0,24
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	97,64	64,03
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	4.141,81	178,01
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	55,37	17,88
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	584,57	436,74
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,93	2,41
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	479,69	29,21
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	11,31	10,51
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-0,66	1,44
5. Chỉ tiêu liên quan tới cổ phần			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	10.018,94	2.957,49
+ Giá trị sổ sách trên cổ phần	đồng	2.088,64	10.124,55

Nguồn: PV OIL MEKONG

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát**12.1. Hội đồng quản trị****Bảng 22: Danh sách thành viên HĐQT**

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Giới tính	Năm sinh
1	Trần Cao Phong	Chủ tịch	Nam	1960
2	Nguyễn Ngọc Ninh	Thành viên	Nam	1975
3	Lưu Văn Nguyễn	Thành viên	Nam	1977

*Nguồn: PV OIL MEKONG***12.1.1 Họ và tên:****Trần Cao Phong**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/10/1960
- Nơi sinh: Xã Chánh An, Huyện Măng Thít, Tỉnh Vĩnh Long
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 361348634, ngày cấp: 15/04/2004, nơi cấp: Cần Thơ
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Chánh An, Huyện Măng Thít, Tỉnh Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 16 Nguyễn Trãi, P.An Hội, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
- Điện thoại liên lạc: 0903808906
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân Luật, Cử nhân Anh văn, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/1978 – 09/1982: đi Bộ đội
 - Từ 10/1982 – 9/1987: Sinh viên trường Đại học Cần Thơ
 - Từ 9/1987 – 10/2001: Công tác tại Công ty Vận tải biển Hậu Giang (nay là Công ty Vận tải sông biển Cần Thơ).

- Từ năm 1993, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty, Phó bí thư Đảng ủy
- 10/2001 – 05/2002: Phó Giám đốc Công ty Nông sản Thực phẩm Xuất nhập khẩu Cần Thơ
 - Từ 5/2002 – 05/2010: Công tác tại Công ty Dầu khí Mêkông, đảm nhận các chức vụ: Phó Giám đốc, Giám đốc và Chủ tịch HĐQT
 - Từ 06/2010 – 02/2012: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam
 - Từ 02/2012 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông.
 - Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
 - Số cổ phần nắm giữ (30/06/2012): 0 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 - Các khoản nợ với Công ty: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có

12.1.2 Họ và tên:**Nguyễn Ngọc Ninh**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/10/1975
- Nơi sinh: Tân Ninh, Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 024888958, ngày cấp: 08/07/2010, nơi cấp: Tp.HCM
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: P.Hòa Lạc, Tp.Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: 8.6 Chung cư 351/31, Lô A, Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc: 0936273681

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng
- Quá trình công tác:
 - Từ 04/1997 – 12/1997: Kế toán viên, Viện nghiên cứu mía đường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Phú An, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
 - Từ 12/1997 – 12/2002: Phụ trách Kế toán, Viện Nghiên cứu mía đường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Phú An, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
 - Từ 01/2003 – 01/2005: Kế toán viên, Công ty Tài chính Dầu khí Tp. HCM
 - Từ 01/2005 – 10/2005: Phó Phòng Kế toán, Công ty Tài chính Dầu khí Tp.HCM
 - Từ 10/2005 – 09/2006: Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Kế toán, Công ty Tài chính Dầu khí Tp.HCM
 - Từ 09/2006 – 01/2007: Trưởng Phòng Đầu tư, Công ty Tài chính Dầu khí Tp.HCM
 - Từ 01/2007 – 03/2011: Trưởng Phòng Giao dịch Trung tâm Q.1, Công ty Tài chính Dầu khí Tp.HCM
 - Từ 04/2011 – 11/2011: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Tài chính TNHH – MTV Công nghiệp Tàu thủy
 - Từ 11/2011 – nay: Phó Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Dầu Việt Nam, Kế toán trưởng Công ty PV Oil Lube
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty PV Oil Lube
- Số cổ phần nắm giữ (30/06/2012): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không có

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

12.1.3 Họ và tên:**Lưu Văn Nguyễn**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/11/1977
- Nơi sinh: Thanh Xá, Nghĩa Hiệp, Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 025.337.831, ngày cấp: 03/08/2010, nơi cấp: Tp.HCM
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Xá, Nghĩa Hiệp, Yên Mỹ, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 24/11/08 Đường D3, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc: 0913172617
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng
- Quá trình công tác:
 - Từ 12/1999 – 08/2000: Phụ trách Kế toán Chi nhánh Công ty Biti's Cà Mau
 - Từ 08/2000 – 05/2002: Nhân viên kế toán Công ty Dầu khí Mêkông
 - Từ 05/2002 – 04/2003: Phụ trách kế toán Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí tại Cà Mau
 - Từ 04/2003 – 08/2006: Nhân viên kế toán Công ty Dầu khí Mêkông
 - Từ 08/2006 – 04/2007: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu mỏ PDC
 - Từ 04/2007 – 08/2008: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu mỏ PDC
 - Từ 08/2008 – 03/2010: Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Dầu Việt Nam
 - Từ 03/2010 – 03/2011: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty

Cổ phần Dầu khí Mêkông

- Từ 03/2011 – nay: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ (30/06/2012): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

12.2. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng
Bảng 23: Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Giới tính	Năm sinh
1	Lưu Văn Nguyễn	Giám đốc	Nam	1977
2	Vũ Thị Phương Lan	Phó Giám đốc	Nữ	1974
3	Vũ Đức Thuận	Phó Giám đốc	Nam	1975
4	Đàm Quốc Hoàn	Phó Giám đốc	Nam	1968
5	Trần Ngọc Thanh	Kế toán trưởng	Nam	1978

Nguồn: PV OIL MEKONG

12.2.1. Giám đốc: Lưu Văn Nguyễn

Lý lịch đã trình bày ở mục 12.1.3

12.2.2. Họ và tên:
Vũ Thị Phương Lan

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 06/09/1974
- Nơi sinh: Lưu Phương, Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam

- Số CMND: 360836028, ngày cấp: 05/08/2008, nơi cấp: Tp.Cần Thơ
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Lão, Bình Lục, Tỉnh Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: 151/50/3C Trần Hoàng Na, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
- Điện thoại liên lạc: 0918262153
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - Từ 1997 – 1998: Cán bộ Phòng Kỹ thuật Sản xuất Công ty May Tây Đô
 - Từ 1998 – 11/2011: Công tác tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông, đảm nhận các chức vụ: chuyên viên, Phó phòng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Trưởng BKS
 - Từ 12/2011 – 02/2012: Kiểm soát viên Tổng Công ty Dầu Việt Nam
 - Từ 03/2012 – nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ (30/06/2012): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

12.2.3. Họ và tên: Vũ Đức Thuần

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/10/1975

- Nơi sinh: Bình Hòa, Giao Thủy, Tỉnh Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 025183174, ngày cấp: 28/09/2009, nơi cấp: Tp.HCM
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Hòa, Giao Thủy, Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số 410 Lô H, Chung cư Đồng Điều, P.4, Q.8, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc: 0903056837
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - Từ 05/2001 – 05/2004: Cán bộ phụ trách hợp đồng kinh doanh Công ty Xuất nhập khẩu Vật tư Kỹ thuật Rexco
 - Từ 05/2004 – 02/2007: Cán bộ Phòng Kinh doanh Xăng dầu Công ty Thương mại Dầu khí Petechim
 - Từ 03/2007 – 08/2007: Phó phòng Kinh doanh Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ PDC
 - Từ 09/2007 – 06/2011: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu
 - Từ 06/2011 – nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ (30/06/2012): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

12.2.4. Họ và tên:**Đàm Quốc Hoàn**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/11/1968
- Nơi sinh: Nghĩa Thái, Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 361.151.134, ngày cấp: 20/09/1996, nơi cấp: Tỉnh Hậu Giang
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghĩa Thái, Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 162/32 Trần Quang Diệu, Tp. Cần Thơ
- Điện thoại liên lạc: 0913816670
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1991 – 05/1998: Kế toán viên, kế toán tổng hợp, Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Liên doanh Gia cầm Meko (Liên doanh giữa Việt Nam và Hồng Kông) – Khu 2 Đại học Cần Thơ
 - Từ 05/1998 – 09/1998: Chuyên viên Kế toán tại Công ty Liên doanh Xi măng Hà Tiên II Cần Thơ
 - Từ 09/1998 – 12/1998: Chuyên viên Kế toán tại Phòng Kế toán Công ty Liên doanh Dầu khí Mêkông
 - Từ 12/1998 – 06/2000: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Công ty Liên doanh Dầu khí Mêkông
 - Từ 06/2000 – 05/2002: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty Liên doanh Dầu khí Mêkông
 - Từ 05/2002 – 11/2002: Phó Trưởng Phòng kiêm Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty Liên doanh Dầu khí Mêkông
 - Từ 11/2002 – 03/2004: Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công

- ty Liên doanh Dầu khí Mêkông, Chi ủy viên chi bộ Công ty
- Từ 04/2004 – 06/2007: Kế toán trưởng Công ty, Phó bí thư chi bộ khối văn phòng Công ty
 - Từ 06/2007 – 05/2009: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 05/2009 – 11/2010: Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 11/2010 – nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
 - Số cổ phần nắm giữ (30/06/2012): 0 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 - Các khoản nợ với Công ty: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có

12.2.5. Họ và tên:**Trần Ngọc Thanh**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/05/1978
- Nơi sinh: Bình Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 362 325 362, ngày cấp: 27/08/2007, nơi cấp: Tp.Cần Thơ
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận
- Địa chỉ thường trú: 37 Hẻm 3, Mậu Thân, P.Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
- Điện thoại liên lạc: 0915580109

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - Từ 2001 – 06/2002: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Giấy Tập Lệ Hoa
 - Từ 7/2002 – 10/2005: Phụ trách kế toán Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực và Công nghiệp Thực phẩm
 - Từ 11/2005 – 6/2008: Phụ trách kế toán Chi nhánh Công ty TNHH Việt Hải Đăng
 - Từ 7/2008 – 5/2009: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 6/2009 – 2/2010: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 3/2010 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ (30/06/2012): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

12.3. Ban kiểm soát

Bảng 24: Danh sách Ban kiểm soát

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Giới tính	Năm sinh
1	Võ Tùng	Trưởng ban	Nam	1964
2	Ngô Hoài Bắc	Thành viên	Nam	1976

Nguồn: PV OIL MEKONG

12.3.1. Họ và tên:**Võ Tùng**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/05/1964
- Nơi sinh: Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 362034866, ngày cấp: 26/06/2001, nơi cấp: Tp.Cần Thơ
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị trấn Diên Khánh, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú: 5/3 Ngô Hữu Hạnh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
- Điện thoại liên lạc: 0913616966
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán Doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - Từ 09/2004 – 04/2008: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 04/2008 – 01/2010: Kiểm soát viên chuyên trách, Trưởng BKS Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 02/2010 – 02/2012: Chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 02/2012 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông, Chuyên viên BKS nội bộ Tổng Công ty Dầu Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ (30/06/2012): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

12.3.2. Họ và tên: Ngô Hoài Bắc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1976
- Nơi sinh: Châu Thành, Tp.Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 361830775, ngày cấp: 14/03/2000, nơi cấp: Tp.Cần Thơ
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Châu Thành, Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú: Xã Nhơn Ái, Huyện Phong Điền, Tp.Cần Thơ
- Điện thoại liên lạc: 0913152357
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 2001 – 2006: Nhân viên Công ty TNHH Thương mại Tân Quang Cường
 - Từ 03/2007 – 06/2010: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 06/2010 – 12/2010: Phụ trách kế toán Xí nghiệp Xây lắp – Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 12/2010 – 04/2011: Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
 - Từ 04/2011 – nay: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ công tác hiện nay: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ (30/6/2012): 0 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

13. Tài sản

Giá trị TSCĐ chủ yếu tại thời điểm 31/12/ 2011 Công ty như sau:

Bảng 25: Giá trị TSCĐ chủ yếu năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	288.929.296.666	61.905.958.181	227.023.338.485
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	226.850.089.828	35.211.314.067	191.638.775.761
2	Máy móc, thiết bị	20.707.161.332	7.447.361.615	13.259.799.717
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	28.390.039.293	15.027.561.400	13.362.477.893
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	12.031.714.519	3.417.923.014	8.613.791.505
5	TSCĐ hữu hình khác	950.291.694	801.798.085	148.493.609
II	TSCĐ vô hình	95.673.852.850	4.109.324.794	91.564.528.056
	Tổng cộng	384.603.149.516	66.015.282.975	318.587.866.541

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011 của PV OIL MEKONG

Tổng diện tích đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng là 164.112,50 m², tập trung tại các tỉnh thuộc ĐBSCL, trong đó:

- Tổng diện tích đất sở hữu: 54.822,10 m².
- Tổng diện tích đất thuê: 109.290,40 m².

Bảng 26: Danh sách các lô đất Công ty đang quản lý và sử dụng

Stt	Diễn giải	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng	Thời gian sử dụng
I	Đất mua	54.822,10		
1	Ấp 5, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau	5.432,2	SKC	Không thời hạn
2	Thị trấn Gành Hào, Huyện Đông Hải, Tỉnh	2.940	NTS	8/2008

Stt	Diễn giải	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng	Thời gian sử dụng
	Bạc Liêu			
3	Ấp 2, Thị trấn Long Phú, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng	799	SKC	08/03/2059
4	Thị trấn Cái Tắc, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	2.535	ODT: 300m ² CLN: 2.235 m ²	Không thời hạn 2050
5	KV 4, P.7, Tp.Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	2.756	ODT: 1.495,3 m ² SKC: 1.085,7 m ² CLN: 175 m ²	Không thời hạn Không thời hạn 14/11/2048
6	Xã Tân Tiến, Tp.Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	8.028	SKC: 7.219,4 m ² HLATLG: 808,2 m ²	Không thời hạn 25/04/2047
7	Xã Tân Hòa, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	2.845	ODT: 1.200 m ² LUA: 1.645 m ²	Không thời hạn 21/01/2012
8	đường Trần Hưng Đạo, P.3, Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	1.530	ODT	Không thời hạn
9	Ấp 3A, Thị trấn Bảy Ngàn, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	4.528	SKC: 1.200 m ² LUA: 3.328 m ²	Không thời hạn Không thời hạn
10	Ấp 3, Xã Vị Thanh, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang	3.390	LUA	Không thời hạn
11	Xã Vĩnh Thạnh Trung, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	5.152,1	SKC	Không thời hạn
12	Xã Nhơn Hưng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	6.427,8	SKC: 5.427,8 m ² HLATLG: 762 m ²	Không thời hạn
13	Xã Long Hữu, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	1.148	ODT: 300 m ² SKC: 197 m ² HLATLG: 651 m ²	Không thời hạn Không thời hạn
14	Xã An Phong, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	5.514	SKC	Không thời hạn

Stt	Diễn giải	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng	Thời gian sử dụng
15	Xã Kiểng Phước, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang	1.797	ODT: 300 m ²	Không thời hạn
			SKC: 642 m ²	Không thời hạn
			CLN: 573 m ²	08/2053
			HLATLG: 282 m ²	08/2053
II	Đất thuê (trả tiền thuê đất hàng năm)	109.290,40		
1	Ấp 5, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau	2.828,1	SKC	Không thời hạn
2	Khóm Trà Kha A, P.8, Tỉnh Bạc Liêu	3.572	SKC	Không thời hạn
3	174 Trần Hưng Đạo, P.An Nghiệp, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	530,8	SKC	29/03/2025
4	QL91, Thị trấn Ô Môn, Huyện Ô Môn, Tp.Cần Thơ	985,4	SKC	Không thời hạn
5	Ấp Thới Phong A, Thị trấn Thới Lai, Huyện Ô Môn, Cần Thơ	1.708,4	SKC	30 năm
6	Ấp Thạnh Hưng, Xã Thới An (nay là Q.Cái Răng), Tp.Cần Thơ	86.339,6	SKC	30 năm
7	Xã Thới Xuân, Huyện Cờ Đỏ, Tp.Cần Thơ	1.296	SKC	Không thời hạn
8	Xã Kiến An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	1.214,5	ODT: 310,2 m ²	Không thời hạn
			SKC: 904,3 m ²	
9	Khu Cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	10.181	SKC	03/2036
10	P.4, Thị xã Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	634,6	SKC	Không thời hạn
	Tổng cộng	164.112,50		

Nguồn: PV OIL MEKONG

Ghi chú:

- CLN: Đất trồng cây lâu năm.
- LUA: Đất trồng lúa.

- *NTS: Đất nuôi trồng thủy sản.*
- *ODT: Đất ở tại đô thị.*
- *SKC: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh.*
- *HLATLG: Hành lang an toàn lộ giới.*

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 2015

14.1. Mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2012 – 2015

14.1.1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển PV OIL MEKONG thành công ty cổ phần đại chúng, có hệ thống phân phối xăng dầu vững mạnh, đảm bảo phát triển bền vững, hiệu quả, an toàn và vì mục tiêu an ninh năng lượng của khu vực ĐBSCL.
- Phát triển PV OIL MEKONG thành 1 thành viên nòng cốt trong hệ thống kinh doanh xăng dầu của Tổng Công ty Dầu Việt Nam. Liên kết với các đơn vị thành viên khác đảm bảo tiêu thụ các sản phẩm dầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại thị trường ĐBSCL và thị trường Campuchia.
- Tham gia thị trường nhiều liệu sinh học, phát triển mạnh các dịch vụ liên quan đến ngành dầu khí.

14.1.2. Mục tiêu tổng quát

Tham gia phát triển khâu hạ nguồn của ngành dầu khí, là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng xăng dầu và các dịch vụ liên quan của Tổng Công ty Dầu Việt Nam. Mục tiêu giữ thị phần 17% tại ĐBSCL. Thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, mở rộng hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước. Bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích của người lao động, Nhà nước và cổ đông. Bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng.

14.1.3. Mục tiêu cụ thể

- Định hướng phát triển thành công ty đại chúng vào năm 2013.
- Thực hiện tái cơ cấu lại tài sản theo hướng thanh lý các tài sản sử dụng không hiệu quả trong toàn hệ thống để thu hồi vốn đầu tư. Tái cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu trực thuộc thông qua hình thức thuê- mua nhằm mục tiêu giữ vững và phát triển thị phần ở các địa bàn trung tâm của ĐBSCL.
- Phát triển và mở rộng hệ thống phân phối với hơn 1.200 điểm bán lẻ/đại lý xăng dầu vào năm 2015.

- Phát triển các loại nhiên liệu sinh học như sản xuất phụ gia chống tách lớp, sản xuất hóa chất, dung môi, Gasolhol, Biodiesel từ năm 2013.
- Đầu tư vào lĩnh vực trang bị phòng thử nghiệm hiện đại, đáp ứng nhu cầu tự kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp các sản phẩm xăng dầu trong và ngoài hệ thống.
- Đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu, kho trung chuyển trực thuộc tại các tỉnh ĐBSCL bao gồm 8 kho trung chuyển, 100 cửa hàng xăng dầu do Công ty sở hữu và 50 cửa hàng xăng dầu do Công ty thuê dài hạn.
- Nâng cấp mở rộng hệ thống kho cảng phù hợp với nhu cầu kinh doanh, mục tiêu nâng tổng sức chứa lên khoảng 150.000 – 200.000 m³ vào năm 2015.
- Kết hợp với các đơn vị thành viên đẩy mạnh hoạt động kinh doanh ra nước ngoài, trước mắt là thông qua hình thức nhập khẩu, xuất khẩu theo ủy quyền của PV Oil nhằm phát huy thế mạnh và nguồn lực nhân sự, kho tàng, tận dụng và giữ vững mạng lưới khách hàng truyền thống ở ngoài nước, đa dạng hóa hình thức hợp tác, mục tiêu chiếm lĩnh 3 – 5% thị phần tại thị trường Campuchia vào năm 2015.
- Đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động bên cạnh mặt hàng xăng dầu như: nhớt, gas, phân bón, dung môi hóa chất, kinh doanh vận tải... mục tiêu chiếm 10% tổng doanh thu vào năm 2015 và trên 20% vào năm 2020.
- Phát triển đội tàu có trọng tải lớn để nâng cao năng lực vận chuyển và mở rộng dịch vụ vận tải trong toàn hệ thống và hướng đến khách hàng bên ngoài.

14.2. Chiến lược phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu

14.2.1. Định hướng chung

Giữ vững định hướng: tập trung mọi nguồn lực giữ vững và phát triển thương hiệu PV OIL MEKONG, trở thành công ty đại chúng, là một mắt xích quan trọng trong hệ thống kinh doanh xăng dầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại khu vực ĐBSCL, đảm bảo các mục tiêu gia tăng sản lượng đáp ứng không chỉ tối đa nhu cầu sử dụng năng lượng phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực ĐBSCL nói riêng và của đất nước nói chung mà còn xuất khẩu kinh doanh sang thị trường nước ngoài.

Thực hiện đầu tư có chọn lọc, đổi mới, tổ chức lại sản xuất và quản lý theo hướng chuyên môn hóa cao nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất, kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, phù hợp với xu hướng phát triển chung theo định hướng quy hoạch phát triển ngành dầu khí chung của cả nước.

Thực hiện phân kỳ phát triển theo 02 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1 (đến 2012): củng cố, tái cấu trúc toàn diện Công ty; chú trọng giữ vững và phát triển hệ thống, thực hiện tăng trưởng bền vững.*

- Đa dạng hóa hình thức sở hữu Công ty bằng giải pháp về vốn, phát triển thành công ty cổ phần đại chúng. Tăng cường quản lý chi phí theo hướng tiết kiệm, hiệu quả.
 - Đổi mới hình ảnh của Công ty để nâng cao khả năng cạnh tranh, hoà nhập vào hệ thống của Tổng Công ty Dầu Việt Nam.
 - Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tham gia sản giao dịch chứng khoán, cải thiện thu nhập của người lao động trong Công ty.
 - Cơ cấu lại tài sản trong toàn Công ty theo hướng thanh lý những tài sản không hiệu quả trong toàn hệ thống để thu hồi vốn đầu tư, cơ cấu lại nguồn vốn.
 - Giữ vững và nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển hệ thống phân phối có trọng điểm; kết hợp với các đơn vị thành viên duy trì phát triển sản xuất và kinh doanh xăng dầu ở Campuchia thông qua hình thức xuất nhập khẩu theo ủy quyền của PV Oil; tổ chức sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học.
 - Hỗ trợ nhà máy chế biến Naphtha sớm đi vào hoạt động để có nguồn thu ổn định tự việc khai thác các dịch vụ sử dụng cầu cảng, nâng cao hiệu suất sử dụng kho và thu phí bao tiêu sản phẩm.
 - Hạn chế hoặc thu hẹp hoạt động của những lĩnh vực, ngành nghề không mang lại hiệu quả cho Công ty.
 - Cơ cấu lại tổ chức, sắp xếp nhân sự theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả của vai trò quản lý.
 - Triển khai hoạt động cho thuê ngoại quan.
- *Giai đoạn 2 (từ 2013 – 2015): mở rộng địa bàn, phát triển theo chiều rộng, đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh.*

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kinh doanh xăng dầu toàn Công ty. Tăng cường phát triển mạng lưới, hướng tới mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững, trở thành Công ty đi đầu trong đội ngũ các công ty thành viên của PV Oil. Đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học, phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu sang Campuchia, từng bước đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh ngoài mặt hàng xăng dầu; tăng cường dịch vụ và kỹ thuật sản xuất, pha chế và chứng nhận sản phẩm xăng dầu trong nước.

14.2.2. Chiến lược phát triển

- **Chiến lược tăng trưởng tập trung:** củng cố và giữ chân khách hàng hiện tại; tập trung phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu của Công ty và phát triển hệ thống đại lý, tổng đại lý, tiếp tục phát triển khách hàng trực tiếp và khách hàng công nghiệp; phối hợp với đơn vị sản xuất, pha chế xăng dầu để đảm bảo nguồn hàng cạnh tranh.

- **Chiến lược tăng trưởng đa dạng hóa:** tái cơ cấu lại vốn, đa dạng hóa hình thức sở hữu, hướng đến đối tượng bên ngoài. Thành lập một số công ty thành viên ở địa bàn đủ điều kiện. Tranh thủ sự hỗ trợ của PV Oil, chia sẻ dự án, giảm áp lực vốn vay. Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới từ các nguồn nguyên liệu khác nhau có giá thành cạnh tranh. Đa dạng hóa mặt hàng, dịch vụ.
- **Chiến lược hội nhập:** đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng thông qua việc hỗ trợ khách hàng. Đồng thời đầu tư kho cảng xăng dầu để chủ động nguồn hàng và mở rộng thị trường kinh doanh. Chiến lược thâm nhập thị trường: khai thác những phân khúc thị trường mới, tăng thị phần hiện nay nhằm mục đích tăng doanh thu với cơ hội là lợi thế về nguồn hàng và sự hỗ trợ từ Tập đoàn.
- **Chiến lược chức năng:** nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, quản trị nội bộ Công ty và quản trị rủi ro. Tái cấu trúc công tác đầu tư. Thực hiện chiến lược Marketing tổng hợp để phát triển kinh doanh, dịch vụ có liên quan và quảng bá thương hiệu, thu hút nguồn vốn, nguồn nhân lực.

14.3. Một số chỉ tiêu phát triển chủ yếu

14.3.1. Tốc độ tăng trưởng sản lượng

Bảng 27: Tốc độ tăng trưởng sản lượng dự kiến đến năm 2015

Stt	Chỉ tiêu	Tốc độ tăng trưởng bình quân	
		Giai đoạn 2011 – 2012	Giai đoạn 2012 – 2015
1	Xăng dầu các loại	9 – 10%/năm	18 – 20%/năm
2	Phân bón	Năm 2015: phân phối 5% thị phần ĐBSCL	
3	Dầu mỡ nhờn	Phân phối 5 – 10% thị phần	
4	Nhiên liệu sinh học	Kinh doanh từ năm 2012, tăng trưởng bình quân 8 – 10%/năm	
5	Dịch vụ khác	10 – 12%/năm	

Nguồn: PV OIL MEKONG

14.3.2. Chỉ tiêu sản lượng

Bảng 28: Chỉ tiêu sản lượng dự kiến đến năm 2015

Đơn vị tính: m³/tấn

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch đến hết năm 2015				
		2012	2013	2014	2015	Lũy kế 2012-2015
1	Sản xuất	113.300	126.200	147.900	180.000	567.400
	Xăng A92	27.400	32.500	39.400	49.600	148.900
	Xăng A83	82.900	93.700	108.500	130.400	415.500
2	Kinh doanh xăng dầu	543.500	632.200	752.800	931.400	2.859.900
3	Sản phẩm khác	3.640	3.984	4.322	4.686	16.632
	Phân bón	3.200	3.500	3.800	4.100	14.600
	Dầu mỡ nhờn	440	484	532	586	2.042

Nguồn: PV OIL MEKONG

14.3.3. Chỉ tiêu tiêu thụ theo từng kênh phân phối

Bảng 29: Chỉ tiêu tiêu thụ theo từng kênh phân phối dự kiến đến năm 2015

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch đến 2015 (m ³ /tấn)				
		2012	2013	2014	2015	Lũy kế 2012-2015
1	Tổng đại lý	87.000	89.400	94.100	103.300	373.800
2	Đại lý trực tiếp	227.700	267.700	344.800	447.700	1.287.900
3	Cửa hàng xăng dầu	35.800	52.000	77.600	120.500	285.900
4	Khách hàng công nghiệp + đầu mối	140.000	155.800	172.200	189.400	657.400
5	Tái xuất	53.000	58.300	64.100	70.500	245.900
	Tổng cộng	543.500	632.200	752.800	931.400	2.859.900

Nguồn: PV OIL MEKONG

14.3.4. Chỉ tiêu tài chính
Bảng 30: Chỉ tiêu tài chính dự kiến đến năm 2015
Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch đến 2015			
		2012	2013	2014	2015
1	Chỉ tiêu tài chính				
	<i>Vốn điều lệ</i>	370	500	700	800
2	Tổng Doanh thu	11.779	13.627	16.171	20.386
	<i>Xăng dầu</i>	11.628	13.373	15.646	19.088
	<i>Phân bón</i>	21	24	26	29
	<i>Dầu mỡ nhờn</i>	30	32	34	36
	<i>Dịch vụ</i>	16	22	31	43
	<i>Nhiên liệu sinh học</i>	53	145	401	1.155
	<i>Doanh thu khác</i>	30	32	33	35
3	Giá vốn hàng bán	11.405	13.189	15.657	19.760
4	Lãi gộp	374,71	438,49	513,81	625,86
5	Chi phí hoạt động của đơn vị	273	311	355	405
6	Lợi nhuận trước thuế trong năm	148	177	212	277
	<i>Xăng dầu</i>	110	130	150	183
	<i>Phân bón</i>	0,8	0,9	0,9	1,0
	<i>Dầu mỡ nhờn</i>	0,5	0,6	0,6	0,7
	<i>Dịch vụ</i>	11	15	22	30
	<i>Nhiên liệu sinh học</i>	1	4	12	34
	<i>Doanh thu khác</i>	24	25	26	28
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN	148	177	212	277
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	133	159	191	249
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	36%	32%	27%	31%
10	Nộp ngân sách Nhà nước	1.414	1.635	1.941	2.446

Nguồn: PV OIL MEKONG

14.3.5. Phát triển hệ thống phân phối

Bảng 31: Chỉ tiêu phát triển hệ thống phân phối dự kiến đến năm 2015

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch đến 2015			
		2012	2013	2014	2015
1	Tổng đại lý	17	17	17	17
	Đại lý con	339	343	346	350
2	Đại lý trực tiếp	449	480	514	550
3	Cửa hàng xăng dầu	56	74	98	134
	Cửa hàng xăng dầu mua	23	35	55	84
	Cửa hàng xăng dầu thuê	33	38	44	50
4	Khách hàng công nghiệp	151	173	199	229
5	Tổng điểm bán lẻ	1.012	1.087	1.175	1.280

Nguồn: PV OIL MEKONG

14.3.6. Đầu tư mới xây dựng kho cảng, cửa hàng xăng dầu

Bảng 32: Đầu tư mới xây dựng kho cảng, cửa hàng xăng dầu dự kiến đến năm 2015

Stt	Tên dự án	Quy mô công suất (m^3)	Nhu cầu vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Các kho tại Tiền Giang, Bến Tre	2.000	15
2	Đầu tư nâng cấp Phòng Chất lượng hàng hóa		10
3	Kho cảng tại Vị Thanh	1.500	10
4	Kho Cảng Năm Căn – Cà Mau	2.000	20
5	Kho Cảng Trần Đề – Sóc Trăng	2.000	20
6	Kho Khánh Hội – U Minh – Cà Mau	4.000	20
7	Kho xăng dầu Đồng Tháp	1.000	7
8	Phát triển 70 cửa hàng xăng dầu		700
	Tổng cộng	12.500	802

Nguồn: PV OIL MEKONG

- Xây dựng Kho Cảng tại Vị Thanh nhằm mục đích tiết giảm chi phí vận chuyển, tăng khả năng cạnh tranh và đẩy mạnh phát triển hệ thống tại tỉnh Hậu Giang.
- Xây dựng kho cảng Trần Đề – Sóc Trăng nhằm mục tiêu thay thế Kho Lý Thường Kiệt và trả lại Kho thuê Tân Thạnh đang nằm trong khu vực giải tỏa để triển khai quy hoạch xây dựng của Tp.Sóc Trăng, đồng thời tiếp cận thị trường của vùng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản ven biển.
- Xây dựng Kho Khánh Hội – U Minh (Cà Mau) và Kho xăng dầu Đồng Tháp: nhằm mục tiêu tiết giảm chi phí, tăng sức cạnh tranh. Đây là 2 thị trường tiềm năng nhưng Công ty chưa có kho trung chuyển và nằm trong mục tiêu phát triển thị trường ở địa phương và các tỉnh lân cận.
- Định hướng phát triển 70 cửa hàng xăng dầu: các tỉnh ĐBSCL với 1 thành phố trực thuộc Trung ương, 5 thành phố thuộc tỉnh, 5 quận trực thuộc thành phố, và 104 huyện. Đây là trung tâm hành chính đồng thời là trung tâm kinh tế – xã hội của các địa phương. Hiện nay, Công ty đã có 28 cửa hàng xăng dầu trực thuộc phân bố tại 17 trung tâm hành chính, kinh tế của các tỉnh. Mục tiêu kế hoạch là phát triển tối thiểu 36 trên kế hoạch 70 cửa hàng xăng dầu ở các địa bàn trung tâm thành phố, thị xã và các huyện lớn của các tỉnh nhằm mục tiêu quảng bá thương hiệu của PV OIL MEKONG. Thứ tự ưu tiên đầu tư lần lượt là: Cần Thơ (10 cửa hàng), Bạc Liêu (3 cửa hàng), Cà Mau (5 cửa hàng), Đồng Tháp (3 cửa hàng), Long An (3 cửa hàng), Tiền Giang (3 cửa hàng), Hậu Giang (3 cửa hàng), Sóc Trăng (3 cửa hàng).

14.4. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch

14.4.1. Giải pháp về sản xuất, kinh doanh, thị trường

- Tăng cường công tác tuyên truyền, động viên tập thể cán bộ, nhân viên Công ty chung sức, chung lòng, củng cố niềm tin cùng nỗ lực hoàn thành mục tiêu đề ra.
- Tập trung sử dụng mọi thế mạnh sẵn có của Công ty, của các đơn vị thành viên trong PV Oil và của Tập đoàn để chú trọng phát triển lĩnh vực mũi nhọn là sản xuất chế biến và kinh doanh xăng dầu, đồng thời mở rộng phát triển các lĩnh vực khác như kinh doanh dầu nhờn, hóa chất, phân đạm; kinh doanh vận tải xăng dầu, dịch vụ và một số các lĩnh vực liên quan khác.
- Trong giai đoạn 2012 – 2012: tranh thủ sự hỗ trợ của PV Oil để đảm bảo nguồn hàng, giữ vững vai trò đầu mối nhập khẩu kinh doanh xăng dầu, ưu tiên mua sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.
- Xây dựng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con. Công ty con là các công ty cổ phần trên cơ sở nâng cấp và tổ chức lại các chi nhánh tại các tỉnh ĐBSCL có vốn góp chi phối của công ty mẹ chuyên kinh doanh xăng dầu, hóa chất, phân đạm...

- Tập trung duy trì và mở rộng thị phần đối với các địa bàn đã có tại các tỉnh ĐBSCL. Duy trì và mở rộng số lượng đại lý và tổng đại lý hiện có trong toàn vùng, đối tượng ưu tiên phát triển chủ yếu theo thứ tự: cửa hàng xăng dầu trực thuộc; đại lý trực tiếp; khách hàng công nghiệp và tổng đại lý.

14.4.2. Giải pháp về đầu tư vốn

- Hoàn tất chuyển đổi thành công ty cổ phần đại chúng, thực hiện tăng vốn điều lệ theo nhu cầu nguồn vốn phát sinh từ thực tế kinh doanh.
- Đầu tư phát triển có trọng điểm hệ thống kho cảng, hệ thống phân phối, cơ sở vật chất của Công ty ở các địa bàn tiềm năng, phù hợp quy hoạch chung của ngành, địa phương.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế tài chính của Công ty.

14.4.3. Giải pháp về hợp tác đầu tư

- Duy trì hợp tác quốc tế với các đối tác, các bạn hàng đã có quan hệ mua bán lâu năm, phối hợp với PV Oil tăng cường tạm nhập tái xuất mặt hàng xăng dầu vào thị trường Campuchia.
- Liên doanh liên kết, góp vốn cổ phần với các cổ đông trong và ngoài ngành để nâng cao hiệu quả sử dụng các tài sản của Công ty, triển khai các dự án lớn và các dự án đầu tư phù hợp.
- Hợp tác và triển khai các dự án đầu tư kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu, hợp tác chế biến nguyên liệu sinh học và các sản phẩm dầu mỏ với các đối tác tại thị trường Campuchia. Tập trung vào các yếu tố đầu tư và phát triển công nghệ có hàm lượng chất xám cao, định hướng hợp tác với nhà đầu tư bản địa để tham gia thị trường chứng khoán Campuchia.

14.4.4. Giải pháp về tổ chức quản lý và nguồn lực

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Công ty theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở sắp xếp lại nhân sự. Tổ chức bộ máy tinh gọn, phù hợp và hiệu quả. Hạn chế tuyển dụng nhân sự mới.
- Hoàn thiện cơ chế khoán; xây dựng chế độ tiền lương, chính sách phù hợp; gắn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với quỹ tiền lương theo hiệu quả công việc.
- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo; tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo với nhiều loại hình, trong đó chú trọng và tập trung nâng cao chất lượng đào tạo nội bộ, tiết kiệm chi phí; khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV tự đào tạo.

- Tiếp tục duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, ISO/IEC 17025:2005. Định kỳ kết hợp với Tổ chức TUV NORD tái đánh giá hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của Công ty.
- Chú trọng bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường trong mọi hoạt động của Công ty. Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và áp dụng các kỹ thuật tiên tiến nhằm hạn chế thấp nhất khả năng cháy nổ và các sự cố có thể xảy ra.
- Tăng cường công tác diễn tập ứng cứu các sự cố dầu tràn và phòng cháy chữa cháy định kỳ kết hợp với cơ quan công an phòng cháy chữa cháy mở các lớp đào tạo nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho CBCNV, đảm bảo 100% CBCNV được cấp giấy chứng nhận đã qua công tác đào tạo nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông, cùng với việc phân tích ngành, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của PV OIL MEKONG dự kiến trong giai đoạn 2012 – 2015 là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

VCBS lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. VCBS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán

Không có

VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Tổ chức phát hành

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông**
- Tên tiếng Anh: **Mekong Petroleum Joint Stock Compapy**
- Tên viết tắt: **PV OIL MEKONG**
- Địa chỉ trụ sở: **08 Phan Đình Phùng, P.Tân An, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ**
- Điện thoại: **(84-0710) 3810817**
- Fax: **(84-0710) 3810810**
- Website: **www.petromekong.com.vn**
- Giấy CNĐKKD số: **1800277683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Cần Thơ cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi lần 16 ngày 23/08/2012**
- Vốn điều lệ: **350.446.780.000 đồng (ba trăm năm mươi tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)**

2. Cổ phần chào bán

- Tổng số cổ phiếu chào bán: **2.216.940 cổ phần (chiếm 6,33% vốn điều lệ)**
- Tổng giá trị chào bán: **22.169.400.000 đồng**
- Loại cổ phần: **Cổ phần phổ thông**
- Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phần**
- Giá khởi điểm: **23.100 đồng/cổ phần**
- Hình thức chào bán: **Bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE)**

3. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần của Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Cần Thơ tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông nhằm thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông. Việc chào bán cổ phần của Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Cần Thơ tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

4. Đối tượng tham gia, điều kiện tham gia

Theo quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM ban hành.

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Căn cứ theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài trên vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2012 là 0%.

6. Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần chào bán

Cổ phần chào bán được tự do chuyển nhượng.

7. Công bố thông tin và tổ chức đăng ký mua cổ phần

Theo quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM ban hành.

8. Địa điểm, thời gian tổ chức đấu giá**8.1. Địa điểm tổ chức đấu giá**

Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Địa chỉ: 45-47 Võ Văn Kiệt, Q.1, Tp.HCM

8.2. Thời gian tổ chức đấu giá

Theo quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM ban hành.

9. Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

Theo quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM ban hành.

VII. PHỤ LỤC

1. Công văn số 2683/UBND-KT ngày 20/06/2012 của Chủ tịch UBND Tp.Cần Thơ về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông.
2. Quyết định số 48A/QĐ-XS ngày 31/08/2012 của Chủ tịch Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Cần Thơ về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông.
3. Quyết định số 49/QĐ-XS ngày 04/09/2012 của Chủ tịch Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số Kiến thiết Cần Thơ về việc phê duyệt mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông.
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông.
5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông
6. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và Báo cáo tài chính đến 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông.



Tp. Cần Thơ, ngày 31 tháng 10 năm 2012

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TRẦN CAO PHONG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

LƯU VĂN NGUYỄN
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN NGỌC THANH

VÕ TÙNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BÁN CỔ PHẦN
CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT CẦN THƠ

CHỦ TỊCH CÔNG TY**LÊ VIỆT HÙNG****GIÁM ĐỐC****ĐỖ THANH BÌNH**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

PHÓ GIÁM ĐỐC CN TP.HCM**TRẦN QUỐC VIỆT**